



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

5

Tháng 03 - 2014

HỘI THẢO VỀ NHÀ Ở XÃ HỘI TẠI VIỆT NAM - BÀI HỌC TỪ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2014



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu khai mạc Hội thảo



Bà Victoria Kwakwa - Giám đốc Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam phát biểu tại Hội thảo

**THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

**THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ**

**TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI LĂM**

5

SỐ 5 - 03/2014



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Quyết định số 252/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 5
- Quyết định số 283/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo, tỉnh Quảng Bình đến năm 2030 6
- Thông tư số 03/2014/TT-BXD của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung Điều 21 của Thông tư số 16/2010/TT-BXD ngày 01/9/2010 của Bộ Xây dựng quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở 9

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Dương ban hành quy định về quản lý quỹ đất do Nhà nước quản lý (hay còn gọi là quỹ đất công) trên địa bàn tỉnh Bình Dương 10
- Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Giang quy định về quản lý thoát nước đô thị, khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Giang 13
- Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng giữa Sở Xây dựng và UBND quận, huyện, thị xã, UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội 14

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

CN. NGUYỄN THỊ MINH HOA

(Trưởng ban)

CN. BẠCH MINH TUẤN (Phó ban)

CN. ĐỖ KIM NHẬN

CN. BÙI QUỲNH ANH

CN. TRẦN THỊ THU HUYỀN

CN. NGUYỄN BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN LỆ MINH

CN. PHẠM KHÁNH LY

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài: Xây dựng hướng dẫn quy hoạch quản lý chất thải rắn cấp xã, cụm xã và cấp huyện 17
- Nghiệm thu đề tài: Nghiên cứu công nghệ chế tạo vữa cách nhiệt chống cháy dùng cho các công trình xây dựng 18
- Hội thảo chuyên đề: “Quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước” 20
- Hội thảo “Mô hình phát triển đô thị tại các đầu mối trung chuyển giao thông” 21
- Hội nghị thẩm định Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế cửa khẩu Hoàn Mô - Đông Văn (tỉnh Quảng Ninh) đến năm 2030 23
- Phân tích sơ lược về các biện pháp kỹ thuật trong thi công bê tông vào mùa đông 25
- Mái nhà “xanh” 27
- Một số nguyên tắc cần tuân thủ trong quá trình thực hiện quy hoạch tổng thể môi trường đô thị 29

Thông tin

- Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị làm việc với đoàn công tác của Ngân hàng Thế giới về “Chương trình đô thị miền núi phía Bắc” 32
- Công đoàn Xây dựng Việt Nam tổ chức Hội nghị công tác nữ công năm 2014 33
- Hội thảo về nhà ở xã hội tại Việt Nam - Bài học từ kinh nghiệm quốc tế 36
- Châu Âu với vấn đề phát triển nông thôn trong giai đoạn hiện nay 38
- Phát triển đô thị gắn liền với bảo tồn thành cổ 40
- Bàn về công tác thực hiện nhất thể hóa đô thị và nông thôn ở Thành phố Tô Châu - Trung Quốc 44
- Thành phố Tân Mật, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc: Xử lý tổng hợp môi trường đô thị và nông thôn 45



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Quyết định số 252/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

Ngày 13/02/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 252/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 với quan điểm: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020 phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; đảm bảo thống nhất với quy hoạch ngành, lĩnh vực. Phát triển vùng kinh tế trọng điểm phía Nam thành vùng động lực thúc đẩy phát triển với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội cao hơn so với mức bình quân chung của cả nước, là trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại của đất nước và khu vực. Phát huy cao nhất tiềm năng, lợi thế của các địa phương trong Vùng, nhất là lợi thế về sản xuất công nghiệp, dịch vụ. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam phải đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, trong đó khu vực thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương là địa bàn trọng điểm, phát huy vai trò động lực và lan tỏa phát triển cho các địa phương khác trong vùng và cả nước. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế Vùng theo hướng nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh, tập trung ưu tiên đầu tư các ngành có tiềm năng, lợi thế, có năng suất lao động và hàm lượng tri thức cao, gắn liền với việc đẩy mạnh liên kết giữa các ngành, thành phần kinh tế và giữa các địa phương. Tập trung đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế cho

Vùng và cả nước; nâng cao chất lượng, mở rộng quy mô đào tạo với cơ cấu ngành nghề và trình độ hợp lý theo nhiều hình thức. Phát triển bền vững, hài hòa giữa các mục tiêu về phát triển kinh tế, phát triển xã hội và cải thiện môi trường sinh thái với việc bảo vệ và phát triển rừng, phát triển công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường đô thị, nguồn nước và không khí.

Theo Quy hoạch này, về kinh tế, tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn 2011 - 2015 đạt 8,0 - 8,5%/năm. Đến năm 2020 các ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ chiếm 95 - 96% tổng GDP, trong đó tỉ trọng khu vực dịch vụ đạt khoảng 44%. GDP bình quân đầu người đến năm 2015 đạt 3.900 - 4.000 USD, đến năm 2020 đạt trên 5.000 USD. Về phát triển xã hội, đến 2020, ổn định dân số khoảng 21 - 22 triệu người, tỉ lệ đô thị hóa đạt 65%. Giải quyết việc làm hàng năm cho khoảng 34 - 35 vạn lao động, tỉ lệ lao động thất nghiệp khu vực thành thị dưới 4%. Giảm tỉ lệ hộ nghèo bình quân khoảng 2%/năm. Về bảo vệ môi trường, đến năm 2015, 100% các cơ sở sản xuất mới xây dựng áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm thiểu ô nhiễm, đảm bảo tiêu chuẩn môi trường; 100% các khu công nghiệp hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung; 95% chất thải rắn được thu gom, xử lý trên 90% chất thải nguy hại và 100% chất thải y tế. Đến năm 2020, 100% các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường, 100% chất thải rắn và chất thải nguy hại được xử lý. Tỉ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt

96% năm 2015 và 98% năm 2020, thành thị đạt 97% năm 2015 và 99% năm 2020.

Định hướng đến năm 2030 về kết cấu hạ tầng đô thị, có hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ và hiện đại. Hệ thống vận tải hành khách công cộng đa dạng, văn minh và an toàn kết nối thành phố Hồ Chí Minh với các đô thị vệ tinh, các huyện và với các đô thị ngoài vùng. Đảm bảo 100% người dân có nhà ở với tiện nghi sinh hoạt cần thiết phù hợp với trình độ phát triển kinh tế, xã hội của từng tỉnh, thành phố trong Vùng với diện tích nhà ở bình quân đầu người khu vực đô thị đạt từ 20 - 25 m²/người. Nhà ở, đất ở khu vực nông thôn được quy hoạch hợp lý, có môi trường sống tốt và điều kiện làm việc thuận tiện theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Hệ thống lưới điện được hiện đại hóa, đảm bảo vận hành hiệu quả, an toàn, có 100% hệ thống cấp điện, cấp thông tin ở các thành phố, thị xã được ngầm hóa; hệ thống chiếu sáng tại các đô thị được xây dựng theo tiêu chuẩn. Trên 70% dân số sử dụng Internet, 100% hộ dân cư được cung cấp nước sạch sinh hoạt. Tình trạng ngập úng ở khu vực đô thị cơ bản được giải quyết. Về môi trường, xây dựng hoàn chỉnh hệ thống xử lý rác thải, chất thải, nước thải đạt chuẩn môi trường. Sử

dụng hợp lý và có hiệu quả tài nguyên, cảnh quan thiên nhiên và các không gian phát triển theo hướng bền vững.

Đối với phát triển và phân bố hệ thống đô thị, cần tạo sự liên kết mang tính hệ thống giữa các đô thị trong Vùng. Hình thành cơ cấu đa trung tâm nhằm tạo động lực để phát triển các vùng xung quanh, đồng thời giảm áp lực cho khu vực trung tâm thành phố Hồ Chí Minh. Phát triển các đô thị Vũng Tàu, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Mỹ Tho trở thành đô thị loại I trực thuộc tỉnh, đóng vai trò là các cực phát triển trong hệ thống đô thị của Vùng. Đối với phát triển nông thôn và phân bố các điểm dân cư, cần tổ chức lại các điểm dân cư dọc các trục lộ giao thông đảm bảo mỹ quan, môi trường, an toàn giao thông. Quy hoạch cải tạo và xây dựng các làng nghề theo hướng phát triển bền vững. Hình thành các trung tâm dịch vụ nông thôn, xây dựng các tuyến, cụm dân cư nông thôn có cơ sở hạ tầng đồng bộ đạt tiêu chuẩn theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

Quyết định số 283/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo, tỉnh Quảng Bình đến năm 2030

Ngày 21/02/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 283/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo, tỉnh Quảng Bình đến năm 2030 với tính chất là trung tâm kinh tế và đô thị phía Tây của tỉnh Quảng Bình; là đầu mối trung chuyển, trung tâm xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của tỉnh Quảng Bình với Lào và Thái Lan; là khu vực có vị trí quan trọng về an ninh,

quốc phòng của quốc gia.

Theo Quy hoạch này, về quy mô đất xây dựng, đến năm 2020, nhu cầu diện tích đất xây dựng tập trung khoảng 1.050 ha, bao gồm đất dân dụng khoảng 90 ha, chỉ tiêu đất dân dụng đạt 81 m²/người, đất ngoài dân dụng khoảng 960 ha, trong đó đất khu phi thuế quan khoảng 300 ha. Đến năm 2030, nhu cầu diện tích đất xây dựng tập trung khoảng 2.060 ha, bao gồm:

Đất dân dụng khoảng 233 ha, chỉ tiêu đất dân dụng đạt 81 m²/người, đất ngoài dân dụng khoảng 1.837 ha, trong đó đất khu phi thuế quan khoảng 300 ha.

Về cấu trúc phát triển không gian, Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo (sau đây viết tắt là Khu kinh tế) phân thành 3 vùng như sau: Vùng phát triển thương mại cửa khẩu và bảo tồn sinh thái rừng phát triển khu vực cửa ngõ Khu kinh tế từ cửa khẩu Cha Lo đến Bãi Dinh (khu này là khu phi thuế quan với hạt nhân phát triển là trung tâm dịch vụ, thương mại, kho ngoại quan tại Bãi Dinh), định hướng sản xuất nông, lâm chủ yếu là khoanh nuôi bảo vệ rừng đầu nguồn và chăn nuôi đại gia súc; vùng phát triển công nghiệp dịch vụ và nông nghiệp phát triển điểm dân cư Hóa Tiến thành đô thị loại V (là đô thị hạt nhân thúc đẩy phát triển cho cả vùng), xây dựng ngã ba Khe Ve thành trung tâm dịch vụ thương mại và công nghiệp lớn của Khu kinh tế, định hướng sản xuất vùng là trồng cao su, cây ăn quả, lạc, lúa, ngô và các loại đậu, hoa màu khác...; vùng sản xuất nông nghiệp và lâm nghiệp xây dựng trung tâm xã Hồng Hóa làm hạt nhân thúc đẩy phát triển bền vững, định hướng sản xuất của vùng là trồng rừng, bảo vệ rừng, phát triển chăn nuôi và trồng cây lâu năm.

Về phân khu chức năng, khu phi thuế quan (quy mô khoảng 300 ha) nằm tiếp giáp với cửa khẩu Cha Lo, là cửa ngõ của Khu kinh tế và là vùng ưu tiên phát triển về thương mại dịch vụ cửa khẩu. Bố trí các chức năng thương mại dịch vụ và hậu cần cho xuất nhập khẩu, khu thương mại công nghiệp gắn kết với cửa khẩu chính. Các khu chức năng thành phần bao gồm: Khu quản lý hành chính, quản lý và kiểm soát cửa khẩu nằm sát cửa khẩu, nơi tập trung các cơ quan hành chính, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ, nơi giao dịch, quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu và các dịch vụ thương mại; khu thương mại - công nghiệp Bãi Dinh phân cách bằng hàng rào với khu vực xung quanh; bố trí khu thương mại

công nghiệp tại Bãi Dinh; khu vực Bãi Dinh sẽ bố trí trạm kiểm soát hàng hóa (là cổng của khu vực phi thuế quan từ cửa khẩu Cha Lo đến Bãi Dinh với các khu vực thuế quan khác của Khu kinh tế). Khu dân cư đô thị - nông thôn diện tích đất xây dựng đô thị và điểm dân cư tập trung của Khu kinh tế khoảng 2.060,05 ha, bao gồm 2 đô thị tại các xã Dân Hóa và Hóa Tiến - Hóa Thanh. Ngoài ra còn có 1 điểm dân cư tập trung nằm tại xã Hồng Hóa, cụ thể: Đô thị cửa khẩu Cha Lo - Bãi Dinh (đô thị loại V) bao gồm không gian từ Bãi Dinh đến trung tâm xã Dân Hóa là Y Leng, quy mô đất xây dựng tập trung khoảng 172,59 ha, dân số khoảng 2.000 - 2.500 người, phát triển trên cơ sở trung tâm dịch vụ - công nghiệp tại Bãi Dinh và trung tâm xã Dân Hóa hiện hữu. Trung tâm Y Leng được cải tạo, nâng cấp và phát triển theo mô hình phát triển sinh thái gắn liền với đồi núi và cây xanh tự nhiên.

Về không gian đô thị - thương mại, công nghiệp - dịch vụ, vùng phát triển đô thị tại Khu kinh tế được phân thành các khu vực theo đặc trưng, đã được quy hoạch sử dụng đất, chiến lược phát triển và có thiết kế đô thị đặc thù cho từng khu. Không gian phát triển nông, lâm nghiệp và dự phòng bao gồm các khu vực phát triển trang trại, các khu vực phát triển rừng nguyên liệu cho công nghiệp, khu vực đất lúa và hoa màu. Khu vực này xây dựng các công trình phục vụ lâm nghiệp với mật độ thấp. Với các khu vực trang trại, mật độ xây dựng không quy định. Các công trình phải phù hợp tính chất với loại hình sản xuất trang trại và nông lâm nghiệp. Hạn chế xây dựng công trình thuộc nhóm nhà ở, đô thị dạng tập trung tại đây. Không gian bảo tồn cảnh quan tự nhiên và không gian xanh bao gồm các khu vực rừng đầu nguồn sông Gianh, rừng phòng hộ xã Dân Hóa, Trọng Hóa, Hóa Thanh, rừng phòng hộ và bảo tồn của xã Hóa Tiến, Hóa Phúc và xã Hồng Hóa. Khu vực này xây dựng công trình nhỏ với mục đích kiểm soát và bảo vệ. Cho phép các hoạt động du lịch sinh thái theo tuyến điểm một cách hạn chế. Công

trình phục vụ cho các hoạt động này phải đảm bảo yêu cầu hòa hợp với tự nhiên, không ảnh hưởng đến cảnh quan và sinh thái.

Về giữ gìn, tôn tạo và khai thác cảnh quan, san lấp cục bộ mặt bằng xây dựng, không phá vỡ cảnh quan thiên nhiên; bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên đồi núi, cải tạo bổ sung các loại cây trồng thích hợp; bảo tồn di tích, cảnh quan nông thôn điển hình của khu vực; khai thác triệt để vùng núi, ven sông hồ, tạo thành các vùng cây xanh phục vụ du lịch; gắn kết, bảo vệ hệ thống cây xanh mặt nước, đồi núi thành bộ khung thiên nhiên bảo vệ môi trường bền vững.

Về san nền, cao độ xây dựng những khu vực xây dựng tập trung lớn như sau: Khu vực trung tâm cửa khẩu lớn hơn hoặc bằng +371,10 m; khu vực Bãi Dinh lớn hơn hoặc bằng +168,60 m; khu vực trung tâm đô thị Y Leng lớn hơn hoặc bằng +135,90 m; khu vực trung tâm đô thị Hóa Tiến lớn hơn hoặc bằng +88,40 m; khu vực trung tâm đô thị Hồng Hóa lớn hơn hoặc bằng +72,10 m. Cao độ nền khu vực ven sông lấy bằng cao độ đường và dân cư hiện trạng, đảm bảo khi có lũ không cản trở dòng thoát lũ. Các khu vực ruộng nếu xây dựng phải đắp thêm 2 - 3 m tùy theo từng vị trí.

Về thoát nước, hướng thoát chính là thoát ra sông Gianh và một số kênh mương nhỏ khác. Tại từng cụm dân cư mạng thoát nước sẽ được phân chia thành các lưu vực thoát nước nhỏ phù hợp theo địa hình và tổ chức san nền nhằm thoát nhanh và hiệu quả. Xây dựng hệ thống cống hỗn hợp. Khu vực dân cư cũ xây dựng hệ thống cống cửa riêng. Các khu vực xây dựng mới xây dựng hệ thống cống riêng hoàn toàn.

Về cấp nước, nguồn nước mặt được lựa chọn làm nguồn cấp nước chính phục vụ cho sinh hoạt. Ngoài các khu vực cấp nước tập trung tại các đô thị, các khu dân cư nông thôn xây dựng các hệ thống cấp nước tập trung tự chảy với quy mô công suất nhỏ, nguồn nước suối hoặc bơm giếng theo quy hoạch tổng thể cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông

thôn. Những vùng có tầng chứa nước mỏng có thể xây dựng giếng khoan. Tiêu chuẩn dùng nước: 120l/người/ngày đêm cho khu đô thị, khu phi thuế quan và 80l/người/ngày đêm cho khu vực ngoài đô thị, khu công nghiệp là 20 m³/ha.

Về chiếu sáng, hoàn chỉnh hệ thống chiếu sáng của Khu kinh tế, chiếu sáng đến các trục đường chính, đường khu vực, đường nội bộ, khu ở. Cải tạo nâng cấp hệ thống chiếu sáng cũ đi nổi thành cáp ngầm trong giai đoạn sau năm 2020. Về thoát nước bẩn, khu vực đô thị sử dụng hệ thống thoát nước thải riêng, nước thải được đưa về các trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Xây dựng các bể xử lý kết hợp bãi lọc ngầm. Tại mỗi cụm công nghiệp tập trung tại Cha Lo sẽ xây dựng một trạm xử lý nước thải cho cụm công nghiệp đó. Nước thải tại các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phải được xử lý theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành trước khi xả ra môi trường.

Về vệ sinh môi trường, chất thải rắn đã được thu gom và vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn tập trung tại khu vực xã Hồng Hóa, Dân Hóa, Trọng Hóa và xây dựng một trạm trung chuyển chất thải rắn cho toàn Khu kinh tế tại Hóa Tiến.

Cũng theo Quyết định này, quy hoạch xây dựng đợt đầu đến năm 2020, tập trung đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và công trình tại khu vực hạt nhân của Khu kinh tế tại xã Dân Hóa, Hóa Thanh và Hóa Tiến, gồm: Đầu tư xây dựng hạ tầng khu cửa khẩu, nâng cấp đường quốc lộ 12A từ ngã ba Khe Ve đến cổng Quốc Môn. Khu phi thuế quan khoảng 300 ha, khu thương mại dịch vụ ngã ba Khe Ve quy mô khoảng 35,2 ha. Đầu tư xây dựng hạ tầng tại trung tâm khu đô thị Hóa Tiến.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại www.chinhphu.vn)

**Thông tư số 03/2014/TT-BXD của Bộ Xây dựng
sửa đổi, bổ sung Điều 21 của Thông tư số 16/2010/TT-
BXD ngày 01/9/2010 của Bộ Xây dựng quy định
cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số nội dung
của Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010
của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn
thi hành Luật Nhà ở**

Ngày 20/02/2014, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 03/2014/TT-BXD sửa đổi, bổ sung Điều 21 của Thông tư số 16/2010/TT-BXD ngày 01/9/2010 của Bộ Xây dựng quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở.

Theo Thông tư này, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 21 của Thông tư số 16/2010/TT-BXD được sửa đổi, bổ sung như sau: Các giao dịch về nhà ở phải được lập thành văn bản (gọi chung là hợp đồng về nhà ở) có các nội dung quy định tại Điều 93 của Luật Nhà ở, Bộ Luật dân sự, Điều 63 của Nghị định số 71/2010/NĐ-CP, tuân thủ các hợp đồng mẫu và nội dung của hợp đồng về nhà ở quy định tại các phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Đối với hợp đồng mua bán nhà ở của doanh nghiệp kinh doanh bất động sản thì các bên phải lập thành bốn bản, một bản người mua lưu giữ, ba bản còn lại để chủ đầu tư làm thủ tục nộp thuế, lệ phí trước bạ, làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận) cho người mua và để lưu giữ; hợp đồng mua bán nhà ở này có giá trị pháp lý để xác định các quyền và nghĩa vụ của bên mua nhà ở trong suốt quá trình quản lý, sử dụng nhà ở đã mua, kể cả trường hợp bên mua nhà ở đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận.

Đối với hợp đồng mua bán căn hộ chung cư thương mại ký với chủ đầu tư thì ngoài các nội

dung quy định trên, các bên còn phải ghi rõ thêm các nội dung sau đây: Phần diện tích thuộc sở hữu, sử dụng chung, phần diện tích thuộc sở hữu riêng của chủ sở hữu nhà chung cư, diện tích sàn xây dựng căn hộ, diện tích sử dụng căn hộ (diện tích thông thủy) để tính tiền mua bán căn hộ, khoản kinh phí bảo trì 2% tiền bán nhà ở, mức phí và nguyên tắc điều chỉnh mức phí quản lý vận hành nhà chung cư trong thời gian chưa thành lập Ban quản trị nhà chung cư. Kèm theo hợp đồng mua bán căn hộ chung cư là Bản nội quy quản lý sử dụng nhà chung cư do chủ đầu tư ban hành, bản vẽ thiết kế mặt bằng căn hộ, mặt bằng tầng có căn hộ và mặt bằng nhà chung cư có căn hộ mua bán đã được phê duyệt.

Diện tích sử dụng căn hộ được tính theo kích thước thông thủy và được ghi vào Giấy chứng nhận cấp cho người mua, bao gồm cả phần diện tích tường ngăn các phòng bên trong căn hộ và diện tích ban công, lô gia gắn liền với căn hộ đó, không tính tường bao ngôi nhà, tường phân chia các căn hộ, diện tích sàn có cột, hộp kỹ thuật nằm bên trong căn hộ. Khi tính diện tích ban công thì tính toàn bộ diện tích sàn, trường hợp ban công có phần diện tích tường chung thì tính từ mép trong của tường chung. Khi bàn giao căn hộ, các bên phải ghi rõ trong biên bản bàn giao căn hộ hoặc trong phụ lục hợp đồng diện tích sử dụng căn hộ thực tế bàn giao và diện tích ghi trong hợp đồng mua bán căn hộ đã ký; biên bản bàn giao căn hộ hoặc phụ lục hợp đồng được coi là một bộ phận không thể tách rời của

hợp đồng mua bán căn hộ.

Ban hành kèm theo Thông tư này bản hợp đồng mẫu mua bán căn hộ chung cư thương mại giữa chủ đầu tư và người mua căn hộ thay thế mẫu hợp đồng mua bán căn hộ chung cư thương mại quy định tại Phụ lục số 16 ban hành kèm theo Thông tư 16/2010/TT-BXD.

Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, các trường hợp mua bán căn hộ chung cư thương mại giữa chủ đầu tư và khách hàng không tuân thủ các nội dung và theo hợp đồng mẫu ban hành kèm theo Thông tư này thì hợp đồng đã ký không được pháp luật công nhận và không được sử dụng làm căn cứ để cấp Giấy

chứng nhận. Chủ đầu tư có trách nhiệm đăng ký hợp đồng mua bán căn hộ chung cư theo mẫu quy định tại Thông tư này với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Trường hợp các bên đã ký hợp đồng mua bán căn hộ trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì việc xác định diện tích căn hộ để tính tiền mua bán được thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán căn hộ mà các bên đã ký kết.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08/4/2014.

(Xem toàn văn tại www.moc.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Dương ban hành quy định về quản lý quỹ đất do Nhà nước quản lý (hay còn gọi là quỹ đất công) trên địa bàn tỉnh Bình Dương

Ngày 25/01/2014, tỉnh Bình Dương đã có Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ban hành quy định về quản lý quỹ đất do Nhà nước quản lý (hay còn gọi là quỹ đất công) trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Theo Quy định này, về quản lý đất công cộng, đất công ích và đất chưa sử dụng, UBND cấp xã có trách nhiệm rà soát, kiểm kê trên thực địa và hồ sơ địa chính để thiết lập danh mục về vị trí, diện tích, loại đất, tình trạng sử dụng các loại đất công cộng, đất công ích, đất chưa sử dụng để làm cơ sở quản lý chặt chẽ. Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm quản lý hồ sơ, các giấy tờ có liên quan đối với thửa đất và phải kê khai đăng ký đất tại Phòng Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường khi có biến động (nếu có). Trong trường hợp khi thay đổi các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch phụ trách công tác địa chính, cán bộ

địa chính cấp xã phải lập thủ tục bàn giao toàn bộ hồ sơ quỹ đất công từ người cũ sang người mới bằng văn bản theo quy định. Hồ sơ địa chính phải được cập nhật đầy đủ thông tin đối với các khu đất này. Khi có biến động về sử dụng đất thì Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh, cấp huyện, cán bộ địa chính cấp xã phải chỉnh lý biến động kịp thời vào hồ sơ địa chính, gửi thông báo biến động và kê khai đăng ký theo quy định. UBND cấp huyện có trách nhiệm ban hành quyết định phê duyệt danh mục quỹ đất công do UBND cấp xã quản lý, sử dụng. UBND tỉnh giao đất cho người sử dụng đất để quản lý mà không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với các loại đất sau đây: Đất xây dựng công trình giao thông, cầu cống, vỉa hè, công trình thủy lợi, đê đập, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm; đất sử

dụng vào mục đích công cộng giao cho UBND cấp xã trực tiếp quản lý.

Đối với các khu đất trực tiếp quản lý, UBND cấp xã có trách nhiệm cắm mốc, phân ranh giới giữa loại đất này với các loại đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để tránh tình trạng tranh chấp, lấn chiếm và xử lý vi phạm các trường hợp cắm cọc, đào ao nuôi cá làm ranh nhằm lấn, chiếm đất. Đối với đất bãi bồi ven sông, rạch, đất cù lao trên sông, đất có mặt nước chuyên dùng, trường hợp đã thống kê, kiểm kê, đo đạc, lập hồ sơ quản lý (kể cả trường hợp đã cấp Giấy chứng nhận) trước ngày Thông tư số 09/2013/TT-BTNMT ngày 28/5/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường có hiệu lực thi hành thì UBND cấp huyện có trách nhiệm thống kê nguồn gốc để lập hồ sơ quản lý theo từng đối tượng sử dụng theo biểu mẫu đính kèm của Thông tư. Trường hợp chưa thống kê, kiểm kê, đo đạc, lập hồ sơ quản lý thì UBND cấp huyện có trách nhiệm đo đạc, lập hồ sơ địa chính để quản lý. UBND cấp xã, các tổ chức, cá nhân đang quản lý, sử dụng đất bãi bồi ven sông, rạch, đất cù lao trên sông, đất có mặt nước chuyên dùng có trách nhiệm phối hợp với cơ quan đo đạc để hoàn thành việc đo đạc.

Về quản lý đất dôi dư và đất đã bồi thường, thủ trưởng cơ quan đang quản lý quỹ đất dôi dư, đất không sử dụng hoặc đã bồi thường xong mà không sử dụng có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản đến cơ quan chủ quản và Sở Tài nguyên và Môi trường để trình UBND tỉnh xử lý và giao cho đơn vị khác quản lý, sử dụng theo quy định. Trường hợp không bàn giao hoặc bàn giao không đầy đủ các khu đất, ranh giới, diện tích thì thủ trưởng cơ quan đang quản lý quỹ đất dôi dư hoặc đã bồi thường xong phải chịu trách nhiệm về tình trạng bị lấn chiếm, tranh chấp khi xảy ra.

Về quản lý đất đã thu hồi, việc xác lập hồ sơ địa chính đối với các loại đất bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 12 Điều 38 Luật Đất đai do cơ quan tiến

hành thanh tra, kiểm tra và đề xuất thu hồi đất thiết lập. Cơ quan Tài nguyên và Môi trường lập thủ tục trình UBND cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và giao cho Tổ chức phát triển quỹ đất quản lý đối với trường hợp thu hồi đất khu vực đô thị và giao cho UBND xã quản lý đất đã thu hồi khu vực nông thôn. Tổ chức phát triển quỹ đất có trách nhiệm rà soát kiểm kê trên thực địa và hồ sơ địa chính để thiết lập danh mục về vị trí, diện tích, loại đất, tình trạng sử dụng quỹ đất thu hồi và giao đối với khu vực đô thị và khu vực đã phát triển đô thị. UBND cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo cán bộ địa chính cập nhật và chỉnh lý biến động vào hồ sơ địa chính để quản lý. Đồng thời báo cáo biến động về Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh và cấp huyện để cập nhật chỉnh lý biến động theo quy định.

Các khu đất nghĩa trang, nghĩa địa nằm trong quy hoạch tổng thể địa điểm các nghĩa trang trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt, UBND cấp huyện tiến hành triển khai các bước tiếp theo phù hợp theo quy định về quản lý xây dựng và sử dụng nghĩa trang trên địa bàn tỉnh, việc đưa đất vào sử dụng phải đảm bảo sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, hợp vệ sinh môi trường. Đối với các khu đất nghĩa trang, nghĩa địa do UBND cấp xã quản lý, các khu đất nghĩa trang, nghĩa địa do cộng đồng dân cư, tổ chức tôn giáo, hộ gia đình và cá nhân quản lý chôn cất phân tán không nằm trong quy hoạch tổng thể địa điểm các nghĩa trang trên địa bàn tỉnh, UBND cấp xã từng bước quy tập vào nghĩa trang, nghĩa địa đã được quy hoạch. Ban hành kế hoạch di dời, đóng cửa, giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch đưa vào sử dụng cho mục đích công ích của địa phương hoặc xây dựng phương án trình cấp có thẩm quyền để tiến hành bán đấu giá.

Về nguyên tắc sử dụng đất công, Quyết định này quy định như sau: Phải có kế hoạch hoặc phương án sử dụng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; phải phù hợp với mục đích sử

dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch xây dựng đô thị hoặc quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Đối với khu vực có đất mới hình thành, nền đất phải ổn định, không có nguy cơ bị sạt lở. Thực hiện việc cho thuê đất, đấu giá, đấu thầu dự án có sử dụng đất theo quy định. Xử lý dứt điểm tình trạng lấn chiếm, tranh chấp trước khi giao đất cho các đối tượng khai thác, sử dụng.

Về việc khai thác quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn, đối với diện tích chưa sử dụng vào mục đích theo quy định tại Khoản 1 Điều 74 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ thì UBND cấp xã cho hộ gia đình, cá nhân tại địa phương thuê để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản theo hình thức đấu giá để nhận thầu. UBND cấp xã lập phương án đấu giá để nhận thầu cho thuê đất công ích, trình UBND cấp huyện phê duyệt. Sau khi phương án đấu giá được duyệt, UBND cấp xã thuê đơn vị tổ chức cuộc đấu giá tiến hành tổ chức đấu giá theo quy định của pháp luật. Sau khi có kết quả đấu giá, đơn vị tổ chức đấu giá gửi kết quả đấu giá nhận thầu đất công ích cho UBND cấp xã nơi có đất, căn cứ vào kết quả đấu giá, Chủ tịch UBND cấp xã mời cá nhân, hộ gia đình trúng đấu giá nhận thầu đất công ích đến UBND cấp xã để ký hợp đồng thuê đất. Trường hợp quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích tại các xã, phường, thị trấn để lại vượt 5% thì phần diện tích vượt đó được quản lý, sử dụng theo quy định tại Khoản 1 Điều 72 Luật Đất đai năm 2003. UBND cấp huyện quyết định thu hồi đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt.

Đối với quỹ đất nông nghiệp không phải là quỹ đất công ích, đất ao, hầm, đất mới hình thành, UBND cấp huyện chỉ đạo cho Trung tâm

Phát triển quỹ đất trực thuộc kiện toàn hồ sơ pháp lý khu đất để xuất tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất nhằm sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên đất đai nhưng phải tuân thủ nguyên tắc theo quy định nêu trên. Việc quản lý, sử dụng đất mới hình thành được thực hiện theo Thông tư số 03/2012/TT-BTNMT ngày 12/4/2012 quy định việc quản lý, sử dụng đất vùng bán ngập lòng hồ thủy điện, thủy lợi và Thông tư số 09/2013/TT-BTNMT ngày 28/5/2013 quy định về quản lý, sử dụng đất bãi bồi ven sông, đất bãi bồi ven biển, đất có mặt nước ven biển của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đối với đất mới được bồi đắp tiếp giáp với đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đã được Nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất thì UBND xã có trách nhiệm kiểm tra xác định ranh giới, mốc giới phần đất bồi đắp, lập biên bản và báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Đối với quỹ đất thu hồi theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 và 12 Điều 38 Luật Đất đai thuộc khu vực nông thôn đã giao cho UBND xã quản lý, thuộc khu vực đô thị và khu vực đã được quy hoạch để phát triển đô thị đã giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý thì UBND xã và Trung tâm Phát triển quỹ đất lập phương án sử dụng, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định. Sau khi phương án khai thác được phê duyệt, tổ chức được giao nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức hoặc thuê đơn vị có chức năng đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**(Xem toàn văn tại
www.binhduong.gov.vn)**

Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Giang quy định về quản lý thoát nước đô thị, khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Giang

Ngày 27/01/2014, UBND tỉnh Hà Giang đã có Quyết định số 02/2014/QĐ-UBND ban hành quy định về quản lý thoát nước đô thị, khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Quy định này quy định về phân cấp quản lý hoạt động thoát nước tại các khu vực đô thị và khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Các nội dung liên quan đến hoạt động thoát nước không nêu tại quy định này thì thực hiện theo Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày 25/8/2007 của Chính phủ về thoát nước đô thị và khu công nghiệp và Thông tư số 09/2009/TT-BXD ngày 21/5/2009 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết thực hiện một số nội dung của Nghị định số 88/2007/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

Theo Quy định này, Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước tại các khu vực đô thị, khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh, chịu trách nhiệm: Tham mưu giúp UBND tỉnh chỉ đạo về công tác lập quy hoạch, đầu tư phát triển, quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng hệ thống thoát nước; hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo tình hình quy hoạch, quản lý đầu tư xây dựng, khai thác, sử dụng, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, quản lý vận hành hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh. Chủ trì thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, đồ án quy hoạch thoát nước vùng trong tỉnh, quy hoạch thoát nước đô thị, lấy ý kiến thỏa thuận của Bộ Xây dựng theo quy định trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt. Phối hợp với UBND các huyện, thành phố, Ban Quản lý các khu công nghiệp trong việc lập và trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch đầu tư, cải tạo và nâng cấp hệ thống

thoát nước đô thị, khu, cụm công nghiệp hàng năm. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan thẩm định, trình UBND tỉnh ban hành định mức, đơn giá dịch vụ thoát nước, giá dự toán hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước đô thị, khu, cụm công nghiệp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước. Cung cấp thông tin về cao độ nền đô thị cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thoát nước. Thực hiện chức năng hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy hoạch, quản lý đầu tư xây dựng, khai thác, sử dụng, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, quản lý vận hành hệ thống thoát nước tại đô thị và khu, cụm công nghiệp. Tổng hợp, báo cáo định kỳ với Bộ Xây dựng và UBND tỉnh tình hình thực hiện quy hoạch, quản lý đầu tư xây dựng, khai thác, sử dụng, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, quản lý vận hành hệ thống thoát nước tại các đô thị và khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Cũng theo Quy định này, trách nhiệm của UBND huyện, thành phố đối với hoạt động thoát nước đô thị bao gồm: Là chủ đầu tư và chủ sở hữu công trình thoát nước đô thị được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn theo phân cấp; tổ chức lập quy hoạch thoát nước, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước đô thị; phối hợp với cơ quan thanh tra và quản lý chuyên ngành trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước trên địa bàn; tập hợp, lưu trữ hồ sơ quản lý thoát nước, báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn theo định kỳ và đột xuất về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng. Đối với hoạt động thoát nước cụm công nghiệp, tùy theo tình hình thực tế, UBND huyện, thành phố ban hành Quy chế về hoạt động thoát nước

trong các cụm công nghiệp trên địa bàn; chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc kiểm tra, giám sát nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp xây dựng theo quy hoạch và thực hiện các quy định về quản lý hoạt động thoát nước; chỉ đạo, hướng dẫn và khuyến khích mọi người dân, cộng đồng tích cực giám sát mọi hoạt động xả thải, phát hiện mọi hành vi xả thải gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn của các hộ dân cư, khu và cụm công nghiệp, báo cáo UBND xã, phường, thị trấn và UBND huyện, thành phố để xử lý kịp thời.

Quy định này quy định: Các đối tượng sản sinh ra nước thải sinh hoạt và nước thải khác đều có quyền và nghĩa vụ đấu nối vào Hệ thống thu gom nước thải công cộng khi hệ thống đã được xây dựng và sẵn sàng để sử dụng. Việc đấu nối phải hoàn tất trong ba tháng kể từ khi có đơn yêu cầu đấu nối. Hộ xả nước thải sinh hoạt và nước thải khác trong vùng phục vụ của hệ thống thoát nước đều phải nộp phí cho các dịch vụ thoát nước. Hộ xả nước thải đấu nối với hệ thống thoát nước đô thị có quyền được cung cấp các dịch vụ trong quy định này, yêu cầu đơn vị quản lý vận hành kịp thời sửa chữa hoặc khôi phục hệ thống thoát nước khi bị hư hỏng, được bồi thường các mất mát, hư hỏng do đơn vị gây ra. Đối với các công trình mới xây dựng, việc đấu nối phải được đấu nối vào Hệ thống thu gom nước thải trước khi đưa công trình vào sử dụng. Trong một khu đất do một chủ sở hữu,

có nhiều hộ xả thải nước thì tất cả các hộ đều có quyền và nghĩa vụ như nhau theo quy định của pháp luật.

Theo Quy định này, các hành vi bị cấm bao gồm: Phá hoại các công trình của hệ thống thoát nước; vi phạm các quy định về bảo vệ hệ thống thoát nước; cản trở việc kiểm tra, thanh tra hoạt động thoát nước; không tuân thủ các quy định về cao độ nền xây dựng khi tiến hành xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các công trình xây dựng trong đô thị; xả nước mưa, nước thải không bảo đảm quy chuẩn chất lượng nước thải xả vào hệ thống thoát nước, nguồn tiếp nhận; xả thải các chất không phải là nước thải, nước mưa vào hệ thống thoát nước; pha loãng nước thải để đạt các quy chuẩn chất lượng nước thải hoặc chuyển tải lượng ô nhiễm sang môi trường khác như không khí và đất; đấu nối tùy tiện hoặc không theo đúng thỏa thuận vào Hệ thống thoát nước; cung cấp thông tin không trung thực, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác trong hoạt động thoát nước; lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây phiền hà, sách nhiễu các tổ chức, cá nhân khác trong hoạt động thoát nước; các hành vi khác vi phạm quy định của pháp luật về thoát nước.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại www.hagiang.gov.vn)

Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng giữa Sở Xây dựng và UBND quận, huyện, thị xã, UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội

Ngày 14/02/2014, UBND thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng

giữa Sở Xây dựng và UBND quận, huyện, thị xã, UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Quy chế này quy định về nguyên tắc, trách nhiệm quản lý, nhiệm vụ và mối quan hệ phối hợp của Sở Xây dựng Hà Nội, UBND quận, huyện, thị xã (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện), UBND xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là UBND cấp xã) trong công tác quản lý nhà nước về trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Về nguyên tắc chung trong phối hợp hoạt động, tăng cường trách nhiệm của UBND cấp xã, UBND cấp huyện, Sở Xây dựng trong công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của UBND Thành phố, đảm bảo công tác quản lý nhà nước về trật tự xây dựng được thực hiện thường xuyên, liên tục, thống nhất, đúng thẩm quyền, phát huy hiệu quả mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong công tác quản lý nhà nước về trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội. Công trình xây dựng trên địa bàn phải được thường xuyên kiểm tra từ khi khởi công đến khi hoàn thành việc xây dựng, các vi phạm về trật tự xây dựng phải được lập hồ sơ vi phạm và xử lý kịp thời, triệt để, đảm bảo chính xác, công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật. Sở Xây dựng và UBND cấp huyện cùng thực hiện việc quản lý, chỉ đạo Đội thanh tra xây dựng cấp huyện trong quản lý tình hình trật tự xây dựng trên địa bàn. Cụ thể, Sở Xây dựng chỉ đạo Chánh Thanh tra Sở Xây dựng quản lý, chỉ đạo Đội thanh tra xây dựng cấp huyện về tổ chức, chuyên môn nghiệp vụ; đôn đốc Đội thanh tra xây dựng cấp huyện kiểm tra thường xuyên, hàng ngày việc chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự xây dựng theo quy định và chuyển hồ sơ đến UBND các cấp để xử lý theo thẩm quyền và theo trình tự, thủ tục được pháp luật quy định. UBND cấp huyện chỉ đạo, điều hành Đội thanh tra xây dựng cấp huyện phối hợp với UBND cấp xã thực hiện trách nhiệm quản lý trật tự trên địa bàn theo quy định pháp luật. Đội thanh tra xây dựng cấp huyện chịu sự quản lý, chỉ đạo của

Thanh tra Sở Xây dựng về tổ chức, chuyên môn nghiệp vụ; sự chỉ đạo, điều hành của UBND cấp huyện về quản lý tình hình trật tự xây dựng trên địa bàn.

Cũng theo Quy chế này, nội dung công việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan tham gia mối quan hệ phối hợp phải tuân thủ quy định của pháp luật, bảo đảm không chồng chéo trong hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm; phối hợp, hỗ trợ hoạt động thanh tra, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm, công trình vi phạm về trật tự xây dựng theo thẩm quyền. Những vướng mắc phát sinh trong quá trình phối hợp giữa Sở Xây dựng và UBND cấp huyện phải được bàn bạc, thống nhất giải quyết trên cơ sở thẩm quyền của mỗi cơ quan đã được pháp luật quy định và yêu cầu về chuyên môn nghiệp vụ của các cơ quan liên quan. Trường hợp không thống nhất được hướng giải quyết, Sở Xây dựng có trách nhiệm báo cáo, đề xuất UBND Thành phố xem xét quyết định.

Quy chế này quy định nhiệm vụ, phương thức phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý tình hình trật tự xây dựng trên địa bàn. Cụ thể, UBND cấp xã có nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với Đội thanh tra xây dựng cấp huyện, các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cấp xã thực hiện việc tuyên truyền, vận động hướng dẫn các tổ chức và cá nhân chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự xây dựng trên địa bàn; chỉ đạo, điều hành Tổ công tác của Đội thanh tra xây dựng cấp huyện đặt tại địa bàn thường xuyên kiểm tra tình hình trật tự xây dựng trên địa bàn, phát hiện, lập hồ sơ vi phạm hành chính về trật tự xây dựng. Tiếp nhận hồ sơ vi phạm hành chính về trật tự xây dựng do Tổ công tác của Đội thanh tra xây dựng cấp huyện đặt tại địa bàn chuyển đến để ban hành các quyết định xử phạt, quyết định đình chỉ thi công, quyết định cưỡng chế và tổ chức thực hiện xử lý các hành vi vi phạm hành chính về trật tự xây dựng theo thẩm quyền và quy định của pháp luật. Thường

xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc, tổ chức thực hiện kết luận kiểm tra, quyết định xử lý vi phạm trật tự xây dựng của cấp thẩm quyền đối với các công trình xây dựng trên địa bàn. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu, hồ sơ vi phạm theo đề nghị của Thanh tra Sở Xây dựng, UBND cấp huyện để phục vụ cho hoạt động thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo. UBND cấp huyện có nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện việc tuyên truyền, vận động hướng dẫn các tổ chức và nhân dân chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự xây dựng trên địa bàn; chỉ đạo,

đôn đốc, kiểm tra UBND cấp xã và các cơ quan liên quan thực hiện trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định của pháp luật nhằm kịp thời ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý trật tự xây dựng; xem xét xử lý tổ chức, cá nhân buông lỏng quản lý, thiếu trách nhiệm trong công tác để xảy ra vi phạm.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại www.hanoi.gov.vn)

Nghiệm thu đề tài: Xây dựng hướng dẫn quy hoạch quản lý chất thải rắn cấp xã, cụm xã và cấp huyện

Ngày 06/3/2014, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu đề tài “Xây dựng hướng dẫn quy hoạch quản lý chất thải rắn cấp xã, cụm xã và cấp huyện” do Viện Quy hoạch môi trường và Hạ tầng kỹ thuật đô thị, nông thôn (IRURE) chủ trì thực hiện. TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN&MT Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Thay mặt nhóm tác giả thực hiện Đề tài, ThS. Nguyễn Thị Lan Anh đã trình bày tóm tắt nội dung đề tài. Theo đó, hiện nay việc xử lý chất thải rắn (CTR) tại khu vực nông thôn đang là vấn đề cấp thiết, đặc biệt là trong tiến trình xây dựng nông thôn mới đang được Đảng và nhà nước cùng các địa phương quan tâm. Tuy nhiên, các địa phương hiện nay vẫn đang khó khăn trong việc áp dụng phương pháp và cách thức để xử lý chất thải rắn tại chỗ. Chính vì thế, đề tài nghiên cứu này được thực hiện với mục đích tổng hợp phân tích hiện trạng, làm cơ sở xây dựng Hướng dẫn quy hoạch quản lý chất thải rắn cấp xã, cụm xã và cấp huyện, áp dụng cho các cấp chính quyền, các cơ quan tư vấn, các cơ quan quản lý về bảo vệ môi trường và hạ tầng kỹ thuật cấp xã, cấp huyện.

Theo kết quả nghiên cứu, tổng khối lượng CTR sinh hoạt nông thôn khoảng 31.563 tấn/ngày, tỷ lệ phát sinh chất thải rắn sinh hoạt là 0,3 - 0,6kg/người/ngày. Đặc biệt CTR ở khu vực làng nghề lớn về số lượng và khó xử lý. Người dân cũng như cơ quan quản lý chưa phân loại được CTR thông thường với CTR nguy hại, CTR y tế còn dễ lẫn với CTR sinh hoạt. Phương tiện thu gom, vận chuyển ở hầu hết các địa phương còn thiếu và chưa đáp ứng được tiêu chuẩn. Phương pháp xử lý chủ yếu là chôn lấp và thiêu hủy.

Từ kết quả nghiên cứu, nhóm thực hiện đề



Toàn cảnh buổi họp Nghiệm thu đề tài

tài đã đưa ra được Quy trình lập Quy hoạch quản lý CTR gồm 8 bước: Khảo sát, phân tích đánh giá hiện trạng quản lý CTR; Thiết lập mục tiêu và phạm vi quy hoạch; Dự báo nguồn CTR phát sinh; Quy hoạch hệ thống phân loại CTR tại nguồn, tái chế, tái sử dụng CTR; Quy hoạch thu gom, vận chuyển, trạm trung chuyển CTR; Xử lý và tái chế CTR; Xây dựng kế hoạch thực hiện và lộ trình thực hiện quy hoạch; Chuẩn bị hồ sơ trình thẩm định và phê duyệt quy hoạch.

Nhóm thực hiện đề tài cũng đưa ra được 6 mô hình thu gom, vận chuyển CTR bao gồm: Mô hình quản lý CTR liên huyện; Mô hình quản lý CTR tập trung cấp huyện; Mô hình quản lý CTR bán tập trung cấp huyện; Mô hình quản lý CTR tập trung cấp xã; Mô hình quản lý CTR bán tập trung cấp xã; Mô hình quản lý CTR phân tán cấp xã. Tiêu chí để các nhà quản lý lựa chọn mô hình cho phù hợp với địa phương mình là căn cứ vào điều kiện địa lý, địa hình, kinh tế - xã hội, hạ tầng giao thông, hệ thống cơ sở xử lý CTR sẵn có, và công nghệ dự kiến áp dụng trong tương lai tại địa phương mình.

Nhóm đề tài cũng đưa ra được một số đề xuất xử lý CTR bằng công nghệ. Đối với hộ gia đình có thể áp dụng 1 trong 3 phương thức: Hồ rác di động; Xử lý rác thải theo phương pháp ủ đống trát bùn hoặc xử lý rác thải bằng thùng, hồ

cố định. Đối với CTR cấp xã có thể xử lý theo hình thức hố chôn lấp luân chuyển, hoặc ủ rác hữu cơ theo phương pháp ủ tự nhiên kết hợp với đảo trộn. Đối với CTR cụm xã/ cấp huyện có thể xử lý theo hình thức hố chôn lấp luân chuyển hoặc áp dụng công nghệ composting đơn giản.

Các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều đánh giá cao nỗ lực của nhóm tác giả thực hiện Đề tài. Tuy nhiên, cần phải soát xét và chỉnh sửa lại một số lỗi chính tả, thuật ngữ chuyên ngành, các phương pháp xử lý CTR cho phù hợp với điều kiện kinh tế của khu vực nông thôn nước ta hiện nay. Đồng thời, các thành viên Hội đồng cũng cho rằng, nếu căn cứ theo hệ thống pháp luật hiện hành thì chưa có văn

bản quy phạm pháp luật nào quy định về lập quy hoạch chất thải rắn cho khu vực nông thôn. Tuy nhiên, đề tài nghiên cứu này sẽ là tài liệu tham khảo quý giá cho các nhà quản lý, và là cơ sở để cơ quan quản lý nhà nước ban hành được những văn bản hướng dẫn cụ thể cho hoạt động quản lý và xử lý chất thải rắn nông thôn.

Kết luận cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng Nguyễn Trung Hòa đề nghị nhóm tác giả thực hiện Đề tài tiếp thu ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng, bổ sung và chỉnh sửa để Đề tài được hoàn thiện hơn.

Đề tài được Hội đồng nhất trí nghiệm thu với kết quả xếp loại Khá.

Quỳnh Anh

Nghiệm thu đề tài: Nghiên cứu công nghệ chế tạo vữa cách nhiệt chống cháy dùng cho các công trình xây dựng

Ngày 06/3/2014, tại Bộ Xây dựng, Hội đồng KHKT chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu đề tài Nghiên cứu công nghệ chế tạo vữa cách nhiệt chống cháy dùng cho các công trình xây dựng mã số RD 45-12 do nhóm kỹ sư Trung tâm Vật liệu chịu lửa & chống cháy, Viện Vật liệu xây dựng, Bộ Xây dựng thực hiện. ThS. Trần Đình Thái - Phó Vụ trưởng Vụ KHCN & MT, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Theo báo cáo của KS. Thái Duy Tuấn - Chủ nhiệm Đề tài, trong những năm gần đây, yêu cầu về cách âm, cách nhiệt, chống cháy trở nên bức thiết. Yêu cầu đối với hệ vật liệu chống cháy cho các công trình xây dựng, đặc biệt là các công trình công nghiệp ngày càng cao, đặc biệt là chống cháy cho các kết cấu thép trong các công trình dầu khí, kho xăng dầu, chất đốt, vật liệu dễ cháy và một số công trình công nghiệp khác. Một trong những biện pháp chống cháy thường được sử dụng là sử dụng các vật liệu dạng vữa trộn phun với áp lực cao vào bề



ThS. Trần Đình Thái - Chủ tịch HĐNT chủ trì cuộc họp

mặt cấu kiện được bảo vệ để tạo sự bám dính vào bề mặt đó. Các dạng vữa phun phủ nhìn chung được áp dụng rộng rãi bởi tính ưu việt trong thi công, lắp đặt và tính năng kỹ thuật. Vữa chống cháy đã được sử dụng trong một số công trình dầu khí, đóng tàu của Việt Nam. Tuy nhiên, toàn bộ công nghệ và vật liệu đều phải nhập khẩu từ nước ngoài. Việc nghiên cứu chế tạo loại vữa chống cháy riêng của Việt Nam phù hợp với điều kiện khí hậu cũng như tập quán xây

dụng của nước ta là hết sức cần thiết, nhằm tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có trong nước, hạ giá thành sản phẩm và giá thành công trình.

Thay mặt nhóm đề tài, KS. Thái Duy Tuấn đã trình bày các phương pháp nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu (xây dựng được một quy trình công nghệ chế tạo vữa cách nhiệt chống cháy dùng cho công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp có tính khả thi để sản xuất đại trà và đạt được các yêu cầu kỹ thuật theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn của Việt Nam. Đó là các chỉ tiêu về độ bền nén, độ bắt lửa, độ phát khói). Nhóm đề tài đã tiến hành nghiên cứu các nguyên liệu sản xuất vữa chống cháy Sengun 250 và Vermicrete/ Perlite 750; nghiên cứu lựa chọn các loại phụ gia tăng độ bám dính, phụ gia giảm nước, phụ gia hoạt động bề mặt cho vữa; nghiên cứu thiết kế cấp phối tối ưu cho từng loại sản phẩm. Sản phẩm đề tài hoàn toàn sử dụng các nguyên vật liệu trong nước làm cốt liệu (cát, bột mịn sa mốt), làm chất kết dính (xi măng pooc lăng và xi măng alumin), làm chất phụ gia hoạt tính siêu mịn (tro bay, silicafume)... với thành phần được pha trộn và tính toán theo tỷ lệ hợp lý. Qua nghiên cứu, nhóm đề tài đã đúc kết được một số nguyên tắc: Để hạn chế sự suy giảm cường độ cho vữa PC ở nhiệt độ cao cần phải bổ sung thêm cốt liệu mịn dạng khoáng sét, các phụ gia hoạt tính siêu mịn giàu silic. Để nâng cao cường độ cho vữa sử dụng chất kết dính XM alumin cần bổ sung thêm các phụ gia phân tán, phụ gia hoạt tính siêu mịn. Để tăng độ cách nhiệt cho vữa, biện pháp tối ưu là bổ sung thêm các cốt liệu nhẹ như vermiculit, perlit. Sản phẩm của đề tài là hơn 100 tấn vữa đã được thử nghiệm và đánh giá chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế và TCVN như ASTM C134, JIS R2553, TCVN 6530: 1999, được áp dụng trong một số công trình xây dựng, và được các đơn vị thi công đánh giá rất cao về tính năng sử dụng và hiệu quả kinh tế. Vữa cách nhiệt mà nhóm đề tài dày công nghiên cứu rất thích hợp để bảo vệ các kết cấu bê tông thép ở các vị trí dễ cháy nổ,

hoặc chịu nhiệt độ cao trong các công trình công nghiệp với nhiều ưu điểm về giá thành, tốc độ và thời gian thi công, thời gian sử dụng lâu bền, ít phải sửa chữa thay thế trong các trường hợp hỏa hoạn. Bên cạnh đó, nhóm đề tài đã nghiên cứu và đưa ra được quy trình công nghệ chế tạo vữa cách nhiệt chống cháy tương đối gọn nhẹ, phù hợp với các điều kiện của Việt Nam, và xây dựng được quy trình hướng dẫn sử dụng và bảo quản sản phẩm.

Các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều nhất trí đánh giá cao tính thực tế của đề tài và những kết quả mà nhóm đề tài đạt được. Để hoàn chỉnh đề tài, các thành viên Hội đồng đã góp ý về sự đa dạng hóa nguyên vật liệu trong chế tạo sản phẩm, và đề xuất nhóm đề tài nghiên cứu sâu hơn, đề ra những chỉ tiêu về nhiệt chống cháy để nâng cao chất lượng sản phẩm. Đại diện Hội Công nghiệp bê tông Việt Nam, đại diện trường Đại học Phòng cháy chữa cháy (Bộ Công an) cho những ý kiến cụ thể về chuyên môn như nên làm rõ kết quả kiểm định chịu lửa cho sản phẩm vì đây là những yêu cầu đối với công tác bảo vệ, phòng chống cháy cho các công trình nhà tiền chế, nhà tạm; bổ sung các thông số giãn nở và độ bền nhiệt, vì đây là những chỉ tiêu rất quan trọng để đánh giá tuổi thọ công trình.

Tổng hợp các ý kiến của Hội đồng, ThS. Trần Đình Thái - Chủ tịch HĐNT nhất trí: Đây là một đề tài được thực hiện rất tốt, và hoàn toàn phù hợp với các định hướng trong chiến lược quốc gia về lĩnh vực vật liệu xây dựng là nghiên cứu thay thế vật liệu nhập ngoại, tăng cường sử dụng nguyên vật liệu địa phương để nâng cao giá trị kinh tế cho vật liệu và cho các công trình xây dựng. Đề tài được Hội đồng nghiệm thu với kết quả Xuất sắc.

Lệ Minh

Hội thảo chuyên đề: “Quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước”

Ngày 04/3/2014, Cục Hạ tầng kỹ thuật - Bộ Xây dựng Việt Nam đã kết hợp với Bộ Môi trường Nhật Bản tổ chức Hội thảo chuyên đề “Quản lý bùn thải từ hệ thống thoát nước”.

Tham dự Hội thảo, về phía Việt Nam có đại diện các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng, các Sở Xây dựng, các trường đại học, viện nghiên cứu và các doanh nghiệp trong lĩnh vực cấp thoát nước; về phía Nhật Bản có đại diện Bộ Môi trường Nhật Bản, Hiệp hội vệ sinh Nhật Bản, Hội sáng chế xử lý môi trường Nhật Bản cùng đại diện các doanh nghiệp Nhật Bản đang hoạt động tại Việt Nam.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật, ông Nguyễn Hồng Tiến, cho biết việc phát triển dân số đô thị quá nhanh trong khi chưa xây dựng kịp các công trình hạ tầng, dân sinh, xã hội đã kéo theo nhiều vấn đề kinh tế xã hội và môi trường như cung cấp nhà ở, cung cấp nước, giao thông đô thị... Trong vệ sinh môi trường, vấn đề phát sinh là bùn thải từ hệ thống thu gom nước thải, từ nhà máy xử lý nước thải và từ các bể tự hoại của các hộ gia đình. Vấn đề quản lý bùn thải và xử lý bùn thải hiện nay ở Việt Nam vẫn còn thiếu các quy định, đặc biệt là các kinh nghiệm quản lý, xử lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn trong lĩnh vực này. Chính vì vậy, ông kỳ vọng Hội thảo này sẽ là cơ hội để các nhà hoạch định chính sách, các nhà quản lý và các doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực xử lý bùn thải trao đổi, học hỏi kinh nghiệm từ các chuyên gia đến từ nước bạn Nhật Bản.

Thay mặt Bộ Môi trường Nhật Bản, ông Yamamoto Hiroyuki (Văn phòng phát triển Johkasou, Bộ Môi trường Nhật Bản) cho biết Nhật Bản đặc biệt quan tâm tới vấn đề giảm thiểu ô nhiễm môi trường do nước thải sinh hoạt và các loại nước thải từ khu công nghiệp ở một số đô thị/địa phương Việt Nam. Ông hi vọng những kinh nghiệm được các chuyên gia Nhật



Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật Nguyễn Hồng Tiến phát biểu khai mạc Hội thảo

Bản chia sẻ tại Hội thảo này sẽ giúp ích cho Việt Nam trong tương lai không xa.

Tại Hội thảo, các đại biểu đã trình bày các tham luận về phân loại bùn thải, các tiêu chí lựa chọn công nghệ xử lý bùn thải, quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải từ hệ thống thoát nước, quy định về thông hút, vận chuyển và xử lý bùn thải từ bể tự hoại... Bùn thải từ hệ thống thu gom và từ các nhà máy xử lý nước thải thường có thành phần và tính chất khác nhau. Do đó, việc xử lý các loại bùn thải này rất khó khăn và phức tạp. Ở Việt Nam hiện nay khối lượng bùn thải nói chung chỉ được xử lý sơ bộ hoặc không được xử lý mà được đem thẳng tới các bãi chôn lấp hoặc được đổ tại các địa điểm không xác định. Tại các đô thị, phần lớn các hộ gia đình được phục vụ bằng hệ thống vệ sinh tại chỗ như các bể tự hoại và các nhà vệ sinh công cộng. Phân bùn thu gom từ hệ thống này thường chưa được xử lý, có nơi xả thẳng ra môi trường. Chính điều này đã gây ô nhiễm môi trường cực kỳ nghiêm trọng do bùn thải khi phân hủy sẽ sinh ra các chất khí như CH₄, CO, CO₂, NH₃, N₂... Các kinh nghiệm của Nhật Bản, Ấn Độ, Malaysia cũng như của Việt Nam trong xử lý bùn thải từ hệ thống thoát nước và từ bể tự hoại, kinh nghiệm quản lý, vận hành nhà máy xử lý nước thải, kinh nghiệm quản lý



Đại diện Bộ Môi trường Nhật Bản - ông Yamamoto Hiroyuki phát biểu tại Hội thảo

bùn thải từ bể phốt và quá trình xử lý nước thải phân tán đã được các đại biểu tham dự Hội thảo tập trung trao đổi, thảo luận.

Trên cơ sở thực trạng công tác quản lý vận hành các nhà máy xử lý nước thải và từ những kinh nghiệm được chia sẻ, trao đổi trực tiếp tại Hội thảo, các đại biểu tham dự đã kiến nghị, đề xuất một số giải pháp như: Cần phải có Thông tư hướng dẫn Nghị định 130/2013/NĐ-CP về việc lựa chọn đơn vị quản lý vận hành các nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt tập trung. Trong đó nêu rõ thời điểm lựa chọn đơn vị quản lý vận hành với các tiêu chí về năng lực kinh nghiệm, chi phí thực hiện theo hướng chất lượng tốt hơn, đảm bảo các tiêu chuẩn môi trường, tiết kiệm chi phí, giảm gánh nặng cho ngân sách, phát huy tối đa hiệu quả đầu tư; ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn thống nhất cho nhà máy xử

lý nước thải tập trung, quy định về chất lượng nước thải sau xử lý phù hợp với từng nguồn tiếp nhận; xây dựng cơ sở dữ liệu để giúp các địa phương tham khảo cho các quyết định đầu tư cũng như lựa chọn đơn vị và chi phí vận hành... Ngoài ra, cần quản lý chặt chẽ toàn bộ các cơ sở thực hiện công tác thu gom, vận chuyển, xử lý phân bùn bể phốt, đặc biệt là các cơ sở tư nhân bằng cách kiểm soát chặt chẽ đầu vào (cấp giấy phép kinh doanh, giấy phép môi trường...) cho các cơ sở, quy định rõ ràng chức năng cũng như trách nhiệm của họ, đồng thời kiểm tra giám sát chặt chẽ quy trình thực hiện cũng như chất lượng công việc. Cần khuyến khích việc nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ xử lý phân bùn bể phốt, đặc biệt là công nghệ tái chế, tái sử dụng phân bùn bể phốt. Cần tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức của người dân về việc sử dụng nhà vệ sinh công cộng và trách nhiệm thông hút định kỳ bùn từ bể tự hoại.

Nhìn chung, Hội thảo đã tập trung vào các vấn đề nổi cộm, đang được quan tâm nhất hiện nay của ngành cấp thoát nước, đặc biệt là trong lĩnh vực xử lý bùn thải, và được đánh giá là góp phần không nhỏ giúp Bộ Xây dựng dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 88/2007 về quản lý bùn thải để trình Chính phủ xem xét phê duyệt trong thời gian tới.

Thu Huyền

Hội thảo: “Mô hình phát triển đô thị tại các đầu mối trung chuyển giao thông”

Ngày 05/3/2014, Bộ Xây dựng Việt Nam và Bộ Đất đai, Hạ tầng, Giao thông và Du lịch Nhật Bản (MLIT) đã phối hợp tổ chức Hội thảo “Mô hình phát triển đô thị tại các đầu mối trung chuyển giao thông”.

Tham dự Hội thảo, về phía Việt Nam có đại diện các Cục, Vụ chức năng của Bộ Xây dựng, đại diện các Bộ Giao thông vận tải, Kế hoạch -

Đầu tư, đại diện Sở Xây dựng, Kiến trúc - Quy hoạch thành phố Hà Nội, tỉnh Vĩnh Phúc, Hải Dương, Ninh Bình, Hà Nam; về phía Nhật Bản có đại diện Bộ MLIT, Tham tán Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam, đại diện Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản tại Việt Nam (JICA) cùng các chuyên gia, các nhà khoa học.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Cục trưởng



Cục trưởng Cục Phát triển đô thị - Bộ Xây dựng, ông Nguyễn Việt Chiến, phát biểu khai mạc Hội thảo

Cục Phát triển đô thị, Bộ Xây dựng Việt Nam - ông Nguyễn Việt Chiến cho biết, mô hình phát triển đô thị gắn với các đầu mối giao thông công cộng (mô hình Transit-Oriented Development – TOD) là một mô hình phát triển đô thị tiên tiến đã được áp dụng phổ biến trên thế giới. Mô hình đô thị này tạo cho các khu vực đô thị sự thuận lợi trong tiếp cận hệ thống giao thông công cộng, đa dạng hóa các hoạt động chức năng cho người dân, đảm bảo môi trường ở trong lành với các không gian mở phục vụ các hoạt động nghỉ ngơi, vui chơi giải trí, học hành, giao tiếp... Qua đó, góp phần khuyến khích người dân sử dụng giao thông công cộng, tạo ra lợi ích kinh tế, đảm bảo môi trường sinh thái bền vững, nâng cao được chất lượng sống cho người dân và duy trì được bản sắc của cộng đồng dân cư. Tuy nhiên, mô hình phát triển đô thị này vẫn còn rất mới mẻ ở Việt Nam. Chính vì vậy, ông tin rằng Hội thảo là diễn đàn mở để các nhà hoạch định chính sách, các nhà đầu tư, các chuyên gia, các nhà khoa học trong lĩnh vực phát triển đô thị cùng bàn thảo, chia sẻ các kinh nghiệm và thực tế phát triển đô thị theo mô hình TOD tại Nhật Bản cũng như định hướng phát triển và khả năng ứng dụng một cách có chọn lọc mô hình vào thực tế phát triển đô thị tại Việt Nam.

Phát biểu tại Hội thảo, ông Tetsu Kabashima, Phó Cục trưởng Cục Đô thị - Bộ



Phó Cục trưởng Cục Đô thị - Bộ MLIT, ông Tetsu Kabashima, phát biểu tại Hội thảo

MLIT, khẳng định Nhật Bản là một trong những nước có nhiều kinh nghiệm phát triển mạng lưới giao thông công cộng hiện đại, quy hoạch đô thị; quản lý và điều tiết tốt các hoạt động đầu tư phát triển đô thị. Và trên hết, Nhật Bản đã phát triển thành công mô hình phát triển đô thị tại các đầu mối giao thông – TOD. Chính vì vậy, ông Kabashima tin tưởng mô hình TOD của Nhật Bản sẽ là mô hình kiểu mẫu, có tính thực tiễn cao, có thể chuyển giao để áp dụng một cách phù hợp trong các khu vực đô thị của Việt Nam.

Quá trình đô thị hóa ở Việt Nam đang diễn ra nhanh chóng trong những năm gần đây (với hơn 760 đô thị, tỉ lệ đô thị hóa đạt hơn 34%), đem lại nhiều lợi ích và là động lực cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động trên cả nước, nhưng cũng kéo theo nhiều bất cập cần được quan tâm, giải quyết. Một trong những bất cập đó là sự gia tăng dân số cơ học tại các thành phố lớn, gây quá tải cho hệ thống hạ tầng đô thị, đặc biệt là hệ thống giao thông nội đô. Trong khi đó, thói quen tham gia giao thông công cộng của cư dân đô thị còn chưa phổ biến, hệ thống giao thông công cộng cũng chỉ mới được tập trung xây dựng ở các đô thị lớn trong thời gian gần đây nhưng chưa thực sự kết nối với các khu vực chức năng đô thị. Chính vì thế, cần phải nghiên cứu, áp dụng mô hình phát triển đô thị gắn với các đầu mối giao thông công cộng TOD vào quản lý và phát triển đô thị tại Việt Nam. Tại Hội thảo, các đại biểu đã giới

thiệt và phân tích kỹ lưỡng ưu, nhược điểm của mô hình phát triển đô thị TOD qua thực tế phát triển đô thị tại Nhật Bản, khả năng áp dụng mô hình này tại Việt Nam; so sánh, đánh giá sự khác biệt giữa các đô thị đang được phát triển theo định hướng TOD tại Việt Nam với các đô thị TOD Nhật Bản. Từ đó tìm ra các khó khăn vướng mắc tiềm ẩn trong việc phát triển các đô thị TOD tại Việt Nam và đề xuất giải pháp, định hướng cho việc phát triển loại hình đô thị này cho thực tế phát triển đô thị của nước ta. Ngoài ra, Hội thảo đã thảo luận và đề xuất các giải pháp chính sách nhằm khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để phát triển mô hình đô thị TOD tại Việt Nam, trong đó tập trung bàn thảo

việc giải quyết mâu thuẫn giữa các mô hình quy hoạch theo tuyến giao thông đáp ứng yêu cầu của một đô thị TOD và mô hình quy hoạch theo địa giới hành chính như quy định của nước ta hiện nay.

Về cơ bản, Hội thảo đã đáp ứng được phần nào yêu cầu cấp bách của các nhà hoạch định chính sách, các nhà khoa học, các nhà quy hoạch... Việt Nam về nghiên cứu và áp dụng mô hình phát triển đô thị gắn với các đầu mối giao thông công cộng TOD vào thực tế quản lý và phát triển đô thị.

Thu Huyền

Hội nghị thẩm định Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Hoàn Mô - Đồng Văn (tỉnh Quảng Ninh) đến năm 2030

Ngày 07/3/2014, tại cơ quan Bộ Xây dựng, Hội nghị thẩm định Quy hoạch chung (QHC) xây dựng khu kinh tế (KKT) cửa khẩu Hoàn Mô - Đồng Văn (huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh) đến năm 2030 đã diễn ra dưới sự chủ trì của Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn. Tham dự Hội nghị về phía địa phương có đồng chí Đỗ Thông, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh; các đồng chí lãnh đạo huyện ủy và UBND huyện Bình Liêu; đại diện các ban ngành của tỉnh. Về phía Trung ương có đại diện các Bộ ngành liên quan; lãnh đạo các Cục, Vụ chức năng thuộc Bộ Xây dựng; đại diện hội nghề Việt Nam.

Tại Hội nghị, đơn vị tư vấn - Viện Quy hoạch Đô thị và nông thôn quốc gia (VIUP) - đã trình bày về sự cần thiết lập Quy hoạch; căn cứ, mục tiêu, nhiệm vụ và tóm lược nội dung Quy hoạch. Theo báo cáo của tư vấn, KKT cửa khẩu Hoàn Văn - Đồng Mô là một trong ba KKT cửa khẩu của tỉnh Quảng Ninh, được thành lập theo Quyết định số 115/QĐ-TTg ngày 13/9/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập KKT



Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn chủ trì Hội nghị

cửa khẩu và áp dụng chính sách KKT cửa khẩu đối với khu vực Hoàn Mô - Đồng Văn và Bắc Phong Sinh, tỉnh Quảng Ninh. Đối diện với cửa khẩu Hoàn Mô và điểm kiểm tra hàng xuất khẩu Đồng Văn là cửa khẩu Đồng Tân thuộc trấn Đồng Trung, khu Phòng Thành, thành phố cảng Phòng Thành, Trung Quốc. Sau khi có Quyết định thành lập, được sự quan tâm của Trung ương và chính quyền địa phương, hệ thống cơ sở vật chất - xã hội của một KKT đã được hình thành và phát triển. Tuy nhiên, cho

tới nay Hoàn Mỹ - Đồng Văn vẫn chưa phát triển đúng tầm vóc và quy mô cần thiết, chưa có một chương trình dài hạn cho KKT cửa khẩu trong bối cảnh hội nhập quốc tế, chưa có sự phân định rõ các khu chức năng cần thiết trong KKT, đặc biệt là các khu vực thuế quan, phi thuế quan để áp dụng chính sách ưu đãi phù hợp nhằm thu hút đầu tư, chưa có chương trình cụ thể cho phát triển cơ sở hạ tầng khung như giao thông, cấp nước sạch, phòng chống lũ... Do đó, việc lập QHC xây dựng KKT cửa khẩu Hoàn Mỹ - Đồng Văn đến năm 2030 là nhiệm vụ cấp thiết tạo cơ sở cho KKT khai thác tiềm năng thế mạnh về vị trí đầu mối giao lưu với tỉnh và miền, giữa Quảng Ninh với vùng kinh tế Nam Trung Hoa; cải thiện cơ sở hạ tầng không những của KKT mà còn của toàn khu vực biên giới Đông Bắc Bắc bộ; góp phần củng cố và giữ vững an ninh quốc phòng. Việc lập QHC còn là bước cụ thể hóa Quyết định số 1034/QĐ-TTg ngày 30/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ QHC xây dựng KKT cửa khẩu Hoàn Mỹ - Đồng Văn, tỉnh Quảng Ninh.

QHC KKT cửa khẩu Hoàn Mỹ - Đồng Văn đến năm 2030 được tư vấn thực hiện trên cơ sở nghiên cứu tài liệu, số liệu thu thập được, kết hợp với khảo sát hiện trạng và đánh giá chi tiết những yếu tố liên quan. Tư vấn xác định phạm vi lập quy hoạch bao gồm các xã Hoàn Mỹ, Đồng Văn thuộc huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh, với tổng diện tích xấp xỉ 14,23 nghìn ha; quy mô dân số đến năm 2030 khoảng 12 - 14 nghìn người. Quy hoạch đã xác lập KKT cửa khẩu Hoàn Mỹ - Đồng Văn là KKT tổng hợp đa ngành, là cửa ngõ giao lưu hoạt động, trung chuyển thương mại quốc tế trên vành đai Vịnh Bắc bộ, đồng thời là trung tâm tiểu vùng phía Đông Bắc tỉnh Quảng Ninh. Hoàn Mỹ - Đồng Văn có quy mô đô thị tương đương loại V, với hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ. Trong Đồ án, không gian phát triển được bố trí theo trục từ Hoàn Mỹ đi Đồng Văn, và tại vị trí các cửa khẩu. Các khu chức năng được xây

dựng gắn với địa hình tự nhiên, được quản lý theo ba vùng. Đối với vùng xây dựng tập trung, Đồ án phân định rõ khu vực cửa khẩu, bao gồm các khu hành chính quản lý, khu thương mại - dịch vụ, sản xuất phi thuế quan, khu logistic; khu đô thị dân cư với hạ tầng cơ sở phát triển, điểm nhấn là khu đô thị cửa khẩu Hoàn Mỹ, khu ở đô thị mới Hoàn Mỹ - Đồng Văn và khu ở đô thị Đồng Văn. Đối với vùng xây dựng phân tán, phát triển nông lâm nghiệp và dự phòng, và vùng quản lý, bảo tồn cảnh quan tự nhiên, Đồ án cũng xác định rõ quy mô đất đai, các điểm dân cư và quỹ đất dự trữ, quỹ rừng phòng hộ - bảo tồn không cho phép xây dựng công trình dân dụng, chỉ khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học.

Trong Đồ án, hệ thống hạ tầng xã hội được tính toán bố trí đến từng phân khu, đảm bảo quy mô định hình. Hạ tầng kỹ thuật được thiết kế trên cơ sở các chỉ tiêu tương ứng với đô thị loại V. Tư vấn cũng xây dựng khung thiết kế đô thị cho KKT làm cơ sở quản lý quy hoạch; đề xuất lộ trình thực hiện với các dự án trọng tâm, trọng điểm cả trong và ngoài KKT (lập quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết khu trung tâm cửa khẩu Hoàn Mỹ - Đồng Văn, khu phi thuế quan; triển khai các dự án đầu tư xây dựng các tuyến giao thông đối ngoại và liên vùng như cầu Hoàn Mỹ - Đồng Văn, đường Vô Ngại - Hoàn Mỹ - Đồng Văn (Khe Tiền) - Quảng Hà, xây mới tuyến điện 35 KV Tiên Yên - Hoàn Mỹ...). Với những định hướng phát triển đề xuất trong Đồ án, KKT cửa khẩu Hoàn Mỹ - Đồng Văn được kỳ vọng sẽ trở thành một cực tăng trưởng quan trọng của vùng biên giới Quảng Ninh, và là một trong những điểm sáng trong quan hệ kinh tế, đối ngoại quốc tế Việt - Trung.

Các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đồng nhất trí đánh giá: Đồ án được nghiên cứu và trình bày công phu, số liệu phong phú, cập nhật; mô hình kiến trúc không gian hợp lý. Để nội dung quy hoạch sát với yêu cầu thực tiễn, tư vấn cần nghiên cứu thêm các tiềm năng,

cơ hội phát triển của KKT; đề cập tới chính sách kinh tế vĩ mô của tỉnh Quảng Ninh trong mối tương quan về tiềm năng phát triển các KKT cửa khẩu Việt Nam và Trung Quốc; làm rõ mối liên hệ giao thông vùng bởi đây là điều kiện cần để phát triển KKT cửa khẩu; xác định rõ vai trò KKT trong hành lang kinh tế cửa khẩu.

Đại diện cho địa phương, đồng chí Đỗ Thông đã giải trình một số vấn đề được Hội đồng quan tâm như mối tương quan giữa vị trí địa lý đặc thù và tiềm năng phát triển của Hoàn Mỹ - Đông Vãn, vấn đề phân cấp xuất nhập khẩu cho địa phương. Đồng chí đề nghị tư vấn bổ sung nghiên cứu phân cấp đầu tư, trong đó các tiêu chí đề ra cần phù hợp khả năng và nguồn lực thực hiện, hỗ trợ địa phương có định hướng và chính sách thu hút đầu tư, đảm bảo tính khả thi cao cho Đồ án.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn nhất trí với những nhận xét và đánh giá của Hội đồng, lưu ý tư vấn nghiên cứu kỹ hơn một số nội dung (dự báo động lực phát triển, nguồn lực đầu tư, kinh nghiệm triển khai xây dựng và quy hoạch các KKT cửa khẩu trong nước cũng như nước ngoài, đặc biệt kinh nghiệm của quốc gia láng giềng Trung Quốc), trên cơ sở đó các cơ chế chính sách đề xuất mới đạt hiệu quả cao. Về cơ bản, Đồ án bám sát các mục tiêu nhiệm vụ đề ra, có thể thông qua sau khi đã tiếp thu chỉnh sửa theo các ý kiến đóng góp của Hội đồng hôm nay; và trình Thủ tướng phê duyệt trong thời gian tới đây.

Lê Minh

Phân tích sơ lược về các biện pháp kỹ thuật trong thi công bê tông vào mùa đông

Một trận mưa thu kéo theo luồng gió lạnh báo hiệu mùa đông tới, mùa thu đi qua, mùa đông lạnh lẽo sẽ đến. Thông thường, việc thi công bê tông tránh tối đa mùa đông lạnh, tuy nhiên rất nhiều công trình phải tiến hành thi công trong thời gian này do những yêu cầu đặc biệt như để kịp tiến độ... Công việc này cần phải căn cứ theo các biện pháp kỹ thuật thi công bê tông vào mùa đông để tiến hành nhằm đảm bảo chất lượng công trình.

I. Khái niệm thi công bê tông vào mùa đông

Khái niệm thi công bê tông vào mùa đông căn cứ theo quy định quy phạm kỹ thuật thi công JGJ104 - 97 "Quy trình thi công công trình xây dựng vào mùa đông" trong Tiêu chuẩn ngành nghề của nước CHND Trung Hoa. Khái niệm thi công vào mùa đông như sau: Khi nhiệt độ bình quân ngày đêm của môi trường (giá trị bình quân nhiệt độ cao nhất và thấp nhất hoặc giá trị bình quân nhiệt độ ngoài trời lúc 6h, 14h,

21h tại địa điểm xây dựng) liên tiếp trong 3 ngày đều thấp hơn 5°C hoặc nhiệt độ thấp nhất nhỏ hơn -3°C thì việc thi công vào thời điểm này gọi là thi công vào mùa đông. Việc thi công vào mùa đông cần phải tiến hành nghiêm ngặt theo các biện pháp kỹ thuật thi công bê tông vào mùa đông.

II. Phân tích nguyên nhân dẫn tới những tác hại băng giá mùa đông đối với bê tông

Khi thi công vào mùa đông, nhiệt độ thấp, tác dụng hydrat hóa (thủy phân) của xi măng kém đi, cường độ bê tông mới đổ giảm đáng kể. Khi nhiệt độ giảm xuống dưới 0°C , tác dụng hydrat hóa xi măng và sự tăng trưởng cường độ bê tông cơ bản ngừng lại. Hai bộ phận bên trong bê tông mới đổ là nước hydrat hóa và nước tự do, sự tăng trưởng về cường độ của bê tông được quyết định bởi tác dụng hydrat hóa giữa nước hydrat hóa và xi măng trong điều kiện nhiệt độ nhất định và sự bay hơi của nước tự do. Vì vậy, tốc độ tăng trưởng cường độ bê

tông được quyết định bởi sự thay đổi của nhiệt độ vào một thời điểm nhất định, đặc biệt khi nhiệt độ giảm xuống dưới mức nhiệt độ đóng băng của bê tông (nhiệt độ đóng băng của bê tông mới đổ là $-0,3^{\circ}\text{C}$ tới $-1,5^{\circ}\text{C}$) nước tự do bắt đầu đóng băng, và khi nhiệt độ giảm xuống -4°C thì nước hydrat hóa bắt đầu đóng băng, tác dụng hydrat hóa bị ngừng lại. Độ giãn nở của thể nước sau khi đóng băng là 8 - 9%, bên trong bê tông hình thành ứng lực giãn nở băng lớn dẫn tới hình thành các khe nứt do cường độ bên trong bê tông còn thấp. đồng thời làm giảm độ kết dính giữa xi măng, cát sỏi và cốt thép khiến cho cường độ kết cấu và độ bền giảm xuống. Vào thời kỳ bảo dưỡng ban đầu sau khi đổ bê tông, khi nhiệt độ hồi phục tới mức nhiệt độ bình thường, cho dù bảo dưỡng ở nhiệt độ dương cẩn thận cũng không thể đạt được cường độ như thiết kế. Nghiên cứu cho thấy, trước khi bê tông đông lại (sau khi đổ 3 - 6 tiếng) mà bị đóng băng, cường độ sẽ bị tổn thất trên 50%, bê tông đông kết sau 2 - 3 ngày gặp lạnh, cường độ giảm 15 - 20%. Mức nguy hại khi bị đóng băng của bê tông còn liên quan tới cường độ bê tông trước khi đóng băng, tỷ lệ nước/ xi măng, mác xi măng, nhiệt độ bảo dưỡng...

III. Biện pháp kỹ thuật chủ yếu khi thi công vào mùa đông

1. Xi măng sử dụng để phối chế bê tông trong thi công vào mùa đông nên ưu tiên lựa chọn loại xi măng Portland hoạt tính cao, nhiệt hydrat hóa cao và xi măng Portland thông thường. Mác xi măng không thấp hơn 425, lượng xi măng sử dụng ít nhất không thấp hơn 300 kg/m^3 .

2. Trong quá trình đưa nguyên liệu vào trộn bê tông nên cho cốt liệu thô và nước trộn trước, tiếp đó cho xi măng vào trộn, đồng thời kiểm soát kỹ lưỡng tỷ lệ nước/xi măng trong bê tông, tỷ lệ này không được lớn hơn 0,6.

3. Các cốt liệu được dùng cho chế trộn bê tông cần bảo đảm sự sạch sẽ, không cho phép lẫn các vật chất dễ đông vỡ như các cục nước

đá đông lạnh... Chế trộn bê tông có thể ưu tiên sử dụng phương thức thêm nước nóng, khi không thể đáp ứng yêu cầu thì có thể xem xét tới phương pháp cốt liệu thô như thêm cát và đá nóng, tuy nhiên nghiêm cấm trực tiếp thêm xi măng nóng. Thường xuyên theo dõi nhiệt độ nước, nhiệt độ môi trường, nhiệt độ của bê tông ra khỏi máy, nhiệt độ khi tới hiện trường và nhiệt độ khi vào ván khuôn. Ghi lại những lần kiểm tra nhiệt độ, số lần kiểm tra nhiệt độ cho mỗi công tác không ít hơn 4 lần.

4. Có thể cho thêm phụ gia làm tăng cường độ nhanh, phụ gia dẫn khí hoặc phụ gia làm giảm nước để nâng cao cường độ của bê tông.

5. Bê tông không thể trộn lộ thiên, các trạm trộn cần dựng lều che chắn, ưu tiên sử dụng các máy trộn có dung lượng lớn để giảm thất thoát nhiệt lượng trong quá trình trộn.

6. Trong quá trình vận chuyển bê tông cần sử dụng các biện pháp bảo ôn, đồng thời cần đảm bảo tính dễ dàng thao tác, thi công của bê tông, cần giảm tối đa thời gian và khoảng cách vận chuyển, bảo đảm nhiệt độ khi đưa vào ván khuôn của bê tông là trên 5°C .

7. Trước khi đổ bê tông cần làm sạch bằng tuyết và bụi bẩn trên thép và ván khuôn, cố gắng đẩy nhanh tốc độ đổ bê tông nhằm tránh thất thoát quá nhiều nhiệt lượng. Khi sử dụng bảo dưỡng nhiệt, trước khi bảo dưỡng cần giữ cho nhiệt độ bê tông không thấp hơn 2°C .

8. Trong khi đổ bê tông, cần kịp thời sử dụng máy đầm, thời gian đầm bê tông cần dài hơn so với thời gian đầm ở nhiệt độ thông thường.

9. Về phương pháp bảo dưỡng bê tông, cần tiến hành so sánh kinh tế kỹ thuật và thông qua tính toán nhiệt động lực học và truyền nhiệt. Ngoài ra, cần chú ý mấy điểm dưới đây:

- Bê tông đổ vào mùa đông, trước khi nhiệt độ dương chuyển sang nhiệt độ âm, cường độ nén của bê tông không nên thấp hơn 40% so với cường độ thiết kế, đối với bê tông có mác thấp hơn C10 thì không được nhỏ hơn 5 Mpa.

- Sử dụng các vật liệu bảo ôn (bao tải, túi

cói), nên duy trì sự khô ráo.

- Khi bảo ôn ở bên ngoài ván khuôn, trừ phần móng có thể vừa đổ vừa bảo ôn, các kết cấu khác phải bố trí vật liệu bảo ôn trước rồi mới đổ bê tông. Bề mặt ván khuôn thép có thể sử dụng các vật liệu bảo ôn như màng rom, bao tải... rồi buộc chặt sau đó mới đổ bê tông.

- Không trực tiếp che phủ vật liệu bảo ôn lên trên bề mặt bê tông vừa đổ xong mà nên phủ một lớp màng nhựa trước, sau đó phủ vật liệu bảo ôn như túi gai, bao tải. Độ dày vật liệu bảo ôn như sau:

+ Trong điều kiện thông thường từ 0°C trở lên phủ 1 lớp; dưới 0°C phủ 2 lớp hoặc 3 lớp;

Đối với bê tông có thể tích lớn sau khi cán phẳng bề mặt và đầm chặt nên lập tức phủ bảo ôn, độ dày lớp bảo ôn và loại vật liệu bảo ôn được xác định theo tính toán.

+ Bê tông sau khi tháo ván khuôn cũng cần kịp thời phủ vật liệu bảo ôn để tránh cho nhiệt độ bề mặt bê tông bị giảm đột ngột dẫn tới các vết nứt sau này.

Chúc Thọ Đức

Nguồn: chinacem.com.cn

(Mạng Xây dựng công trình Trung Quốc)

ND: Kim Nhạn

Mái nhà “xanh”

Trong thế giới văn minh, con người đang hàng ngày phải đối mặt với vấn đề nóng lên của Trái đất, vấn đề môi trường sống của các loài động thực vật đang bị đe dọa, vấn đề rác thải không được tập trung xử lý, vấn đề ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt và hàng loạt các vấn đề làm biến đổi khí hậu trên thế giới. Hầu như các nghiên cứu khoa học hiện nay đều tập trung vào mảng tiết kiệm vật liệu (kích thước giảm dần đến nanometer) hay tái sử dụng vật liệu, phân loại các hợp chất hữu cơ để dùng làm phân bón hay thu khí gas. Trên bối cảnh diện tích rừng đang ngày giảm dần, không khí lẫn nhiều bụi bẩn và chất hóa học, các công trình xây dựng đang lấn dần diện tích xanh, việc tập trung cho các nghiên cứu nhằm tăng diện tích xanh, giảm khí thải, làm trong lành hơn không khí đang trở thành tâm điểm trong lĩnh vực xây dựng “xanh”.

Mái nhà “xanh” là một trong những hệ thống mái lâu đời nhất đã được hồi sinh sau thế kỷ XIX, và ngày nay là một trong những công nghệ xây dựng “xanh” nổi bật nhất. Mái nhà xanh rất có triển vọng phát triển tại các siêu đô thị - nơi từng mét vuông đất đều rất đắt đỏ, và việc tận dụng những khoảng trống của mái nhà cho



Mái xanh của toà nhà City Hall (Chicago, bang Illinois, Mỹ)

phép giải quyết tình trạng khan hiếm những khu vực được phủ xanh và khu vực dành để nghỉ ngơi, thư giãn. Trong việc xây dựng các biệt thự, mái nhà “xanh” cũng có tiềm năng phát triển mạnh.

Tại Nga, xu hướng xây các mái nhà xanh bắt đầu được triển khai cách đây không lâu, khi sự quan tâm tới công nghệ “xanh” của người dân Nga có nhiều chuyển biến tích cực. Do vậy, so với các nước Tây Âu, Nga còn thiếu kinh nghiệm ứng dụng công nghệ mái nhà xanh vào thực tế.

Mái nhà xanh là một hệ thống kỹ thuật phức tạp, đòi hỏi thiết lập những “chiếc gối” nhiều lớp



Mái xanh của một nhà thờ tại Hof (Iceland)

có cấu tạo từ những thành phần khác nhau có khả năng bù lại cho thực vật sự thiếu hụt đất tự nhiên, đồng thời duy trì sự tồn tại ổn định của lớp phủ thực vật trên mái nhà. Theo nguyên lý, trong những “chiếc gối” này có:

- Lớp màng chống thấm: thực vật thường được trồng trên lớp màng này;
- Lớp ngăn rễ xâm thực có tác dụng ngăn sự lan tỏa của rễ cây để làm hỏng mái nhà;
- Lớp dưỡng ẩm bảo vệ lớp ngăn rễ xâm thực khỏi các tác động cơ học, cũng như giúp duy trì nước và các dưỡng chất khác;
- Lớp thoát nước bảo đảm cho nước dư thừa thoát vào các phếu, đồng thời duy trì trong các máng dẫn lượng nước mưa cần thiết cho thảm thực vật.
- Lớp lọc hay còn gọi là hệ thống lọc giúp ngăn ngừa việc đất phủ (chất nền) bít kín các lỗ, khe của hệ thống thoát nước, bảo vệ chất nền không để trôi mất các dưỡng chất quý giá cho thảm thực vật;
- Lớp dưỡng chất với thành phần là chất nền đặc biệt chuyên dùng cho các mái nhà xanh. Chất nền này bao gồm những dưỡng chất cần thiết cho thảm thực vật, không bị đầm nén trong một thời gian dài, có đặc tính thấm thấu tốt đối với nước và không khí, bảo đảm môi trường thuận lợi cho thảm thực vật ít nhất trong vòng 10 năm.
- Lớp phủ thực vật để “xanh hóa” mái nhà, gồm các loại thực vật phong phú đa dạng, thậm

chí cả cây ăn quả và các bụi cây nhỏ mang tính chất trang trí.

Công nghệ mái nhà “xanh” đòi hỏi hệ thống tưới hợp lý, cung cấp nước vừa đủ cho toàn bộ thảm thực vật. Hệ thống thoát nước cũng cần được tính toán kỹ để vừa đảm bảo thoát lượng nước cần thiết, vừa tránh làm xói mòn các bề mặt đất được phủ bên trên.

Việc xây dựng những mái nhà xanh có một loạt ưu điểm. Trước hết, giống như một máy điều hòa không khí tự nhiên, thảm thực vật xanh trên mái khiến tòa nhà tránh được hơi nóng trực tiếp của mặt trời. Thảm thực vật trên mái còn giúp hấp thu từ 10 - 20% bụi bẩn trong không khí, và cải thiện tính cách âm tới 8 deciben. Điều này có ý nghĩa rất thiết thực đối với các tòa nhà và công trình có vị trí gần sân bay hoặc gần các khu vực nhiều tiếng ồn. Ngoài ra, việc xanh hoá mái nhà sẽ giúp khôi phục lại phần nào thảm thực vật bị xâm hại trong quá trình xây dựng. Hơn nữa, lớp thực vật sẽ bảo vệ mái nhà khỏi tia cực tím, khỏi các hiện tượng thời tiết bất lợi như mưa đá và sự thay đổi nhiệt độ một cách hiệu quả; cải thiện đáng kể tính năng chống thấm của mái nhà (kéo dài thời gian chống thấm của mái nhà lên tới 40 năm và hơn thế nữa).

Một ưu điểm khác của mái nhà xanh là việc phủ xanh các mái nhà sẽ cải thiện chất lượng bảo vệ nhiệt, cho phép duy trì từ 50 - 90% độ ẩm (tùy thuộc vào chất liệu mái). Một phần nước bay hơi, một phần sẽ được thực vật hấp thụ, một phần biến thành nước thải. Nhờ đó, chi phí cho việc lắp đặt các đường ống thoát nước cỡ lớn giảm đi, giá thành xây dựng cả công trình cũng giảm.

Từ mái nhà “xanh”, ý tưởng về việc biến các khu rác thành khu sinh thái sạch đẹp và mang lại lợi ích lâu dài - phủ xanh các bãi đất hoang - đã hình thành. Ý tưởng này đã được đưa lên một chương trình truyền hình trên kênh Discovery vài năm trước đây, và phát triển thành một trào lưu mới - phủ xanh các công

trình xây dựng - với phần mái nhà chứa chất diệp lục tự tạo oxi cho không khí, có cấu tạo từ các kết cấu vật liệu xốp bọc rác hữu cơ đã qua xử lý. Và vì là vật liệu xốp nên nó sẽ có hệ thống dẫn nước cung cấp từ bên dưới, và rút nước mưa từ bên trên. Các mái nhà này có công dụng hấp thụ khí CO₂ gây hiệu ứng nhà kính, tạo ra khí ôxy, tận dụng điện tích trồng cây

xanh. Kết hợp song song với ứng dụng này là xử lý được lượng rác thải, kèm theo thu được lượng khí gas từ rác đang phân hủy.

Svetlana Diving

Nguồn: Tạp chí UNIDO Nga (số 10)

2013 - 2014

ND: Lê Minh

Một số nguyên tắc cần tuân thủ trong quá trình thực hiện quy hoạch tổng thể môi trường đô thị

Quy hoạch tổng thể môi trường đô thị đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo môi trường, sinh thái trong tiến trình thực hiện đô thị hóa, là một hạng mục công việc quan trọng trong việc thực hiện quản lý hiện đại hóa và phát triển toàn diện kinh tế - xã hội. Do đó, trong quá trình quy hoạch tổng thể đô thị, ngoài việc phải nắm rõ mục tiêu chiến lược, còn phải nhận thức và tuân thủ một số nguyên tắc quan trọng, để công tác quy hoạch đạt hiệu quả cao.

I. Bốn nguyên tắc quan trọng cần tuân thủ

Bản chất của việc quy hoạch tổng thể môi trường đô thị chính là đổi mới toàn bộ hệ thống công trình, nội dung chủ yếu trong quy hoạch là xây dựng và phát triển môi trường sinh thái, thúc đẩy đô thị chuyển đổi mô hình phát triển và cải thiện đời sống cho người dân.

Trong quá trình thực hiện quy hoạch tổng thể môi trường đô thị cần tuân thủ 4 nguyên tắc sau:

Một là, luôn đề cao việc tôn trọng, bảo vệ đối với tự nhiên, hài hòa với thiên nhiên. Với các hạng mục lớn như mở rộng và phát triển đất đai, phân bổ lực lượng sản xuất, phát triển đô thị hóa cần xem xét đầy đủ tới khả năng chịu tải của môi trường, nguồn tài nguyên và đặc điểm của từng giai đoạn phát triển. Dựa trên những khái niệm tiên tiến để thúc đẩy và phát triển đô thị, chỉ đạo việc xây dựng và mở rộng phát triển, tập trung vào việc nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài nguyên và chất lượng môi trường sinh

thái, xây dựng một mô hình đô thị mới, con người và thiên nhiên phát triển hài hòa với nhau.

Hai là, chú trọng giảm thải khí cacbon, trong quá trình xây dựng, sản xuất, lưu thông, tiêu thụ luôn chú trọng tới công tác tuần hoàn, giảm khí thải cacbon, tạo ra một môi trường sống tốt, từ đó thu hút nhiều nhân tài quy tụ.

Ba là, luôn lấy con người làm gốc, đáp ứng nhu cầu ngày một tăng của người dân về vật chất và văn hóa. Tăng cường xây dựng và bảo vệ môi trường sinh thái cho người dân, vì người dân mà tạo ra môi trường sống và sản xuất tốt, làm sao để lại cho các thế hệ tương lai một môi trường sống tốt nhất, sạch nhất và đẹp nhất.

Bốn là, thiết lập kiện toàn cơ chế dài hạn. Chính quyền địa phương cần tăng cường phối hợp trong công tác quy hoạch tổng thể môi trường, có tầm nhìn dài hạn và có tiêu chuẩn xây dựng, trình độ quản lý quy hoạch cao, xây dựng và mở rộng phát triển một cách trình tự và khoa học, có không gian dự trữ phát triển về sau, nâng cao chất lượng phát triển và chất lượng của thành phố. Từ mục tiêu chuyển đổi chiến lược quản lý môi trường, thúc đẩy công tác xây dựng đô thị. Thông qua kiện toàn hệ thống pháp luật, chính sách, tăng cường trách nhiệm, tăng cường giám sát, hình thành các cơ chế khuyến khích và ràng buộc trong quá trình thực hiện quy hoạch; từ công tác cải cách sâu, quản lý chặt chẽ, kết hợp với kỹ thuật tiên tiến, hình thành cơ chế mới trong quá trình thực hiện

quy hoạch.

II. Năm công việc trọng điểm cần nắm bắt

Trong quá trình thực hiện quy hoạch tổng thể môi trường đô thị cần nắm bắt 5 công tác trọng điểm sau:

Thứ nhất, thiết lập kiện toàn cơ chế dài hạn. Tìm hiểu và kiện toàn cơ chế quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể đô thị, quy hoạch tổng thể việc sử dụng đất và cơ chế liên kết chia sẻ thông tin chặt chẽ với nhau. Trong quá trình lập quy hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển và sử dụng đất, cần xem các yêu cầu liên quan tới công tác quy hoạch tổng thể môi trường đô thị, làm cơ sở quan trọng và có những hỗ trợ cần thiết, làm sao có thể tiếp thu đầy đủ, từ đó thúc đẩy đô thị phát triển. Ngoài ra, việc học hỏi kinh nghiệm quy hoạch từ các nước khác là việc làm cũng rất hữu ích, tập trung đổi mới, mở rộng lĩnh vực, nỗ lực kiện toàn một hệ thống môi trường sinh thái đồng bộ và phù hợp với nhu cầu thực tế; thực hiện cơ chế quản lý, làm rõ các nguyên tắc, những điều kiện cơ bản để thực hiện công việc.

Thứ hai, thúc đẩy đô thị tiếp tục phát triển. Bảo vệ môi trường có thể nâng cao chất lượng môi trường sinh thái, cung cấp những sản phẩm sinh thái, trực tiếp tạo ra những giá trị sinh thái. Quy hoạch tổng thể môi trường đô thị là một phần quan trọng trong chiến lược đô thị hóa quốc gia. Do đó, việc lập quy hoạch thực hiện có ý nghĩa rất lớn đối với trong việc tối ưu hóa phát triển kinh tế, cải thiện chất lượng môi trường và an sinh xã hội, còn là một mắt xích quan trọng trong việc thúc đẩy thiết kế xây dựng đô thị văn minh sinh thái. Căn cứ vào nguồn tài nguyên và khả năng chịu tải của môi trường, mật độ mở rộng và tiềm năng phát triển tại các thành phố khác nhau, phân chia khu vực chức năng về môi trường, xác định vị trí chức năng của từng khu vực, phương hướng phát triển, tối ưu hóa bố cục phát triển không gian, nhưng vẫn đảm bảo an toàn sinh thái. Ngoài ra, cũng cần có các cấp độ quy hoạch khác nhau

đối với đô thị, khu vực và quốc gia, từ đó có thể thúc đẩy đô thị phát triển và dễ dàng trong công tác quản lý. Cần tuân thủ việc sử dụng đất, kiểm soát khí thải ô nhiễm, tăng cường bảo vệ sinh thái, từ đó thúc đẩy, tối ưu hóa và nâng cấp cơ cấu công nghiệp. Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, nếu nhận thức rõ và biết cách sử dụng đúng quy luật tự nhiên, hợp lý, sẽ mang lại hiệu quả cao trong việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên.

Thứ ba, tăng cường nghiên cứu các kỹ thuật hỗ trợ cho công tác quy hoạch tổng thể môi trường đô thị. Từng bước thiết lập kiện toàn hệ thống quy hoạch tổng thể môi trường đô thị, tăng cường nghiên cứu và áp dụng các công nghệ tiên tiến, làm sao để môi trường có thể phát triển bền vững. Tăng cường đổi mới về các phương diện như: bố cục đô thị, công tác quản lý hành chính đô thị, có những quy tắc sử dụng không gian... Thông qua nhân khẩu, quy mô, bố cục, cơ cấu công nghiệp, tiết kiệm năng lượng, kiểm soát ô nhiễm... thiết lập mô hình đánh giá tổng hợp tình hình phát triển kinh tế đô thị và hệ thống mục tiêu và chỉ tiêu. Chủ động tìm hiểu quy luật diễn biến của môi trường tự nhiên, phòng và xử lý ô nhiễm và quy luật phục hồi sinh thái, quy luật công tác quản lý môi trường; nỗ lực giải quyết những vấn đề môi trường làm ảnh hưởng tới sức khỏe của quần chúng nhân dân, thúc đẩy các dịch vụ công cộng và chia sẻ những sản phẩm công cộng. Đặc biệt phải tập trung vào các yếu tố môi trường, như các yêu cầu về chức năng, bố cục, chất lượng... nghiên cứu để xác định giới hạn sinh thái, phòng tránh rủi ro, hạn chế việc tiêu thụ nguồn tài nguyên...

Thứ tư, thực hiện phân định tuyến đỏ sinh thái. Tuyến đỏ sinh thái là một hạng mục quan trọng trong công tác quy hoạch tổng thể môi trường đô thị, là tuyến bảo vệ an toàn sinh thái quốc gia hoặc khu vực để có thể phát triển bền vững, bảo vệ những khu vực đặc thù, nâng cao vai trò quan trọng của chức năng sinh thái. Do

đó, cần tổ chức các chuyên gia tập trung nghiên cứu, tìm ra những vị trí, khu vực nào thuộc tuyến đỏ sinh thái. Tiếp tục nghiên cứu làm thế nào để bảo vệ tuyến đỏ sinh thái và đưa ra các quy định pháp luật nghiêm ngặt. Tăng cường công tác quản lý và giám sát hàng ngày, đảm bảo các tuyến đỏ không bị xâm phạm. Thiết lập cơ chế truy cứu trách nhiệm, đối với những người đưa ra quyết sách gây hậu quả nghiêm trọng tới tuyến đỏ đã phân định, sẽ bị truy cứu trách nhiệm.

Thứ năm, trước mắt, Bộ Bảo vệ môi trường Trung Quốc đang thúc đẩy mạnh mẽ 24 thành

phố triển khai công tác thí điểm quy hoạch tổng thể môi trường đô thị. Thí điểm thực hiện là một nhiệm vụ khá nặng nề, do đó, các bên cần quan tâm và hỗ trợ lẫn nhau. Một mặt, cần tuân thủ các quy định để thúc đẩy công việc thí điểm của thành phố, mặt khác, nắm rõ những khái quát nào làm ảnh hưởng tới công việc, từ đó có các biện pháp xử lý để công việc được thực hiện thuận lợi và có hiệu quả.

Nguồn: <http://www.newscn.com>

ND: Bích Ngọc

Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị làm việc với đoàn công tác của Ngân hàng Thế giới về “Chương trình đô thị miền núi phía Bắc”

Ngày 04/3/2014, tại Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Thanh Nghị đã có buổi làm việc với đoàn công tác của Ngân hàng Thế giới (WB) về “Chương trình đô thị miền núi phía Bắc” do bà Jennifer Sara - Giám đốc Ban Phát triển bền vững Ngân hàng Thế giới dẫn đầu. Tham dự buổi làm việc có đại diện của Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương: Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước; lãnh đạo các tỉnh miền núi phía Bắc (gồm 7 tỉnh Bắc Cạn, Cao Bằng, Điện Biên, Hòa Bình, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái) cùng với các chuyên gia trong đoàn công tác của WB.

Tại buổi làm việc, thay mặt cho đoàn công tác của WB, bà Jennifer Sara - Giám đốc Ban Phát triển bền vững WB bày tỏ vui mừng trước sự có mặt đầy đủ của tất cả các bên tham gia chuẩn bị và thực hiện cho dự án, đồng thời cảm ơn sự tích cực của Bộ Xây dựng trong việc chủ trì Dự án. Bà Jennifer Sara cho biết, Chương trình Phát triển Đô thị quốc gia dành cho Khu vực miền núi phía Bắc đã mất khá nhiều thời gian cho khâu chuẩn bị nhưng khi triển khai, dự án đã được tiến hành hết sức nhanh chóng. Vào tuần trước, có một cuộc họp quan trọng của WB diễn ra tại Washington DC do Phó Chủ tịch WB phụ trách Khu vực Đông Á chủ trì. Đây là cuộc họp cuối cùng trước khi WB ban hành thư mời đàm phán cũng như chuẩn bị các tài liệu trình lên Ban Lãnh đạo của WB. Dự án đã được triển khai rất tích cực để có thể thu được những kết quả hiện tại. Đây là thành tích quan trọng cho 7 thành phố miền núi phía Bắc tham gia dự án này đồng thời cũng là nền tảng thực hiện cho Chương trình Phát triển đô thị quốc gia. Bà kiến nghị các đại biểu lưu ý Dự án được tài trợ bằng vốn IDA - là nguồn vốn tài trợ với điều



Toàn cảnh Hội nghị

kiện rất ưu đãi của WB. Việt Nam đã nhận được quyết định thông qua khoản tài trợ IDA số 17 bắt đầu từ tháng 7/2014 và sẽ có thêm 4 năm nữa để nhận được nguồn vốn với điều kiện ưu đãi từ WB. Nguồn vốn này sẽ được sử dụng một cách tiết kiệm và hiệu quả nhằm góp phần xóa đói giảm nghèo, thúc đẩy sự phát triển kinh tế.

Ông Parameswaran Iyer - Trưởng nhóm dự án WB đã trình bày kết quả của chuyến công tác thẩm định Chương trình Phát triển đô thị quốc gia dành cho Khu vực miền núi phía Bắc từ ngày 04-07/3/2014 và những công việc phải làm trong thời gian tới. Ông cho biết, sau cuộc họp diễn ra vào tuần trước WB đã cho phép đoàn công tác WB tại Việt Nam tiến hành thẩm định và đàm phán. Dự án đã được thực hiện tại những tỉnh nghèo nhất của Việt Nam cho nên về cơ bản nó đã gắn liền với hai mục tiêu lớn của WB là xóa đói giảm nghèo và thúc đẩy tăng trưởng. Ngoài ra, đây là dự án tài trợ dựa trên kết quả cho nên các khoản tiền giải ngân và cung cấp của WB sẽ dựa trên kết quả thực hiện của 4 cấu phần là: Tăng cường thể chế (55 triệu USD); Xây dựng hạ tầng (155 triệu USD); Đầu tư hạ tầng bền vững (20 triệu USD); Chính sách cấp quốc gia, quản lý (20 triệu USD). WB đã tiến hành 3 đánh giá về kỹ thuật, môi trường -

xã hội và trách nhiệm giải trình. Thông qua những đánh giá đó, WB đã xác định được một số điểm hạn chế cần phải tiếp tục tăng cường trong quá trình thực hiện Dự án, trên cơ sở đó WB sẽ đưa ra các hoạt động cơ bản và được trình bày trong Kế hoạch Hành động Chương trình (PAP). Ông Parameswanran Iyer cũng đã giới thiệu về thời gian cho những bước tiếp theo của Dự án bao gồm ngày kết thúc thẩm định (07/3/2014), ngày phát hành thư mời đàm phán (12/3/2014), ngày phê duyệt văn kiện Chương trình, ngày phê duyệt Kế hoạch Hành động chương trình (trước 15/4/2014), ngày phê duyệt quyền điều tra của WB (trước 15/4/2014), thời gian phê duyệt Sổ tay Hướng dẫn thực hiện Chương trình (trước 15/4/2014), thời gian đàm phán (dự định 25/4/2014), thời gian trình Ban giám đốc WB (07/5/2014), thời gian họp Ban giám đốc (dự định 05/6/2014).

Về phía Bộ Xây dựng, Cục Phát triển đô thị cũng đã có báo cáo về một số công việc và các công tác chuẩn bị đang triển khai. Theo báo cáo, trong thời gian qua, Bộ Xây dựng cũng đã phối hợp chặt chẽ với các tỉnh và báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí quỹ PPTAF cho các tỉnh. Tuy nhiên, quá trình triển khai các thủ tục PPTAF mất khá nhiều thời gian, mặc dù vậy các tỉnh vẫn rất chủ động bố trí các kinh phí để triển khai công tác chuẩn bị, nội dung các văn kiện và công tác chuẩn bị tiếp theo để sẵn sàng tiếp nhận quỹ PPTAF. Cho đến nay, hầu hết các tỉnh cũng đã tiến hành các thủ tục tiếp nhận các quỹ này. Ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ có quyết định phê duyệt Chương trình đô thị miền núi phía Bắc, Bộ Tài Chính cũng đã có văn bản triển khai các cơ chế tài chính trong

nước. Cục Phát triển đô thị - Bộ Xây dựng cũng đã làm việc với Cục Quản lý nợ - Bộ Tài Chính về việc xác định những nội dung cơ bản của cơ chế tài chính trong nước áp dụng cho Chương trình này. Trong thời gian tới, Cục Quản lý nợ sẽ làm việc cụ thể với các tỉnh để xác định được tỷ lệ vốn cấp phát hay vốn cho vay lại cho các tỉnh hoặc những nội dung mà các tỉnh sẽ phải chi trả từ ngân sách địa phương theo quy định hiện hành. Bộ Xây dựng cũng đã có văn bản đề nghị Kiểm toán Nhà nước chấp thuận việc tham gia Chương trình đô thị miền núi phía Bắc với tư cách là đơn vị xác minh độc lập và cử đơn vị đầu mối. Bộ Xây dựng đã trình Thủ tướng Chính phủ xem xét và chấp thuận quyền điều tra của WB. Hiện nay, Bộ Xây dựng đang phối hợp với nhóm công tác WB để hoàn thiện Kế hoạch Hành động Chương trình và xây dựng Dự thảo Sổ tay Vận hành Dự án.

Tại buổi họp, đại diện của các Ban, ngành có liên quan và lãnh đạo các tỉnh miền núi phía Bắc cũng đã đóng góp những ý kiến và kiến nghị cho Kế hoạch Hành động Chương trình.

Phát biểu kết luận cuộc họp, Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị đã đánh giá cao những nỗ lực của WB, các Bộ, ngành và các địa phương của Việt Nam trong thời gian qua để đạt được những kết quả hiện tại. Với sự cố gắng của các bên, kết quả đã đạt được vừa là động lực, vừa là áp lực để tiếp tục phấn đấu trong thời gian tới. Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị cũng bày tỏ mong muốn các Bộ, ngành và các địa phương sẽ cùng nhau quyết tâm, cố gắng hoàn thành mục tiêu kế hoạch đã đề ra.

Kim Nhạn

Công đoàn Xây dựng Việt Nam tổ chức Hội nghị công tác nữ công năm 2014

Ngày 05/3/2014, Công đoàn Xây dựng Việt Nam (CĐXDVN) đã tổ chức Hội nghị công tác nữ công năm 2014. Đến dự Hội nghị có Thứ

trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang - Trưởng ban Vì sự phát triển phụ nữ Bộ Xây dựng; Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam



Thứ trưởng Cao Lại Quang phát biểu tại Hội nghị

Nguyễn Thị Thu Hồng; Chủ tịch CĐXDVN Nguyễn Văn Bình và Ban lãnh đạo CĐXDVN; đại diện lãnh đạo công đoàn các đơn vị trực thuộc và 95 nữ công nhân, viên chức, lao động (CNVC-LĐ) đại diện cho gần 30.000 nữ CNVC-LĐ các đơn vị trực thuộc CĐXDVN.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, Phó Chủ tịch CĐXDVN Nguyễn Thị Thủy Lệ cho biết, từ sau Đại hội XII CĐXDVN, phong trào CNVC-LĐ và hoạt động công đoàn nói chung, công tác vận động nữ CNVC-LĐ và hoạt động nữ công nói riêng đã được các cấp công đoàn tích cực triển khai thực hiện và nhận được sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo Tổng Liên đoàn LĐVN, Ban Cán sự Đảng Bộ Xây dựng, sự ủng hộ tạo điều kiện của các cấp ủy Đảng, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong ngành... nên công tác nữ công đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, góp phần thực hiện các chỉ tiêu Đại hội XII CĐXDVN đã đề ra.

Hội nghị Công tác nữ công năm 2014 của CĐXDVN là dịp để tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện công tác vận động nữ CNVC-LĐ và hoạt động nữ công năm 2013, triển khai các nhiệm vụ trọng tâm năm 2014.

Theo báo cáo các kết quả vận động nữ CNVC-LĐ và hoạt động nữ công 2013 của CĐXDVN, tính đến 31/12/2013, tổng số nữ CNVC-LĐ tại các đơn vị trực thuộc CĐXDVN là 29.189 người, chiếm 17,4% tổng số lao động, trong đó, đoàn viên nữ là 27.538 người, chiếm



Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn LĐVN Nguyễn Thị Thu Hồng trao tặng Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn cho Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng

20,9% tổng số lao động. Tổng số nữ CNVC-LĐ khối các đơn vị thuộc ngành Xây dựng địa phương là 36.756 người, chiếm 32,8% tổng số lao động.

Ngay từ đầu năm 2013, CĐXDVN đã có văn bản hướng dẫn các đơn vị trực thuộc triển khai nhiệm vụ trọng tâm công tác vận động nữ CNVC-LĐ và hoạt động nữ công ngành Xây dựng năm 2013. Trên cơ sở đó, yêu cầu các đơn vị xây dựng kế hoạch, chương trình công tác và hoạt động nữ công năm 2013 phù hợp với nhiệm vụ chính trị và chuyên môn của từng đơn vị; tập trung tuyên truyền, phổ biến những điểm mới của Bộ Luật Lao động năm 2012, Luật Công đoàn 2012; Triển khai Nghị quyết số 6b/NQ-TLĐ của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn LĐVN về công tác vận động nữ CNVC-LĐ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Nghị quyết Đại hội XII CĐXDVN, Nghị quyết Đại hội XI Công đoàn Việt Nam và triển khai các hoạt động kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ (8/3), Tháng hành động vì trẻ em, ngày Gia đình Việt Nam (28/6), ngày Phụ nữ Việt Nam (20/10), các chương trình hành động của Bộ Xây dựng và CĐXDVN về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2015...

Trong năm 2013, Ban nữ công của công đoàn các cấp đã tham mưu cho lãnh đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt các chính sách đối với lao động nữ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp,

chính đáng của nữ CNVC-LĐ. Công tác tuyên truyền, giáo dục nữ CNVC-LĐ tiếp tục được đẩy mạnh với nội dung trọng tâm là vận động lao động nữ thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vận động chị em tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” do Tổng Liên đoàn LĐVN phát động từ năm 2010 đã được các đơn vị tích cực triển khai và cụ thể hóa với nhiều tên gọi và hình thức khác nhau...

Mặc dù năm 2013 là một năm ngành Xây dựng phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp ngành Xây dựng, trong bối cảnh thị trường xây dựng bị thu hẹp, thị trường bất động sản trầm lắng, thiếu vốn sản xuất kinh doanh..., song với tinh thần đoàn kết, quyết tâm phấn đấu, Ban nữ công của công đoàn các cấp đã chủ động, linh hoạt trong công tác vận động nữ CNVC-LĐ, phối hợp với chính quyền quan tâm, chăm lo và thực hiện các chế độ, chính sách đối với lao động nữ, tích cực đẩy mạnh các phong trào thi đua, tổ chức nhiều hoạt động thiết thực, hiệu quả, góp phần quan trọng vào thành tích của từng đơn vị và thành tựu chung của ngành, của đất nước.

Phát biểu tại Hội nghị, Thứ trưởng Cao Lại Quang cho biết, những khó khăn, thách thức của năm 2013 là hết sức lớn đối với ngành Xây dựng, ảnh hưởng đến đời sống, việc làm của người lao động, trong đó đặc biệt là chị em phụ nữ. Trong hoàn cảnh khó khăn như vậy, công đoàn các cấp đã thực hiện tốt việc vận động, tuyên truyền, đặc biệt là tổ chức tốt các phong trào thi đua, góp phần giúp toàn ngành Xây dựng vượt qua những khó khăn và hoàn thành được những nhiệm vụ lớn: các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chính của Ngành tiếp tục duy trì tăng trưởng, giá trị sản xuất kinh doanh năm 2013 đạt trên 770.000 tỷ đồng, tăng trên 7% so với năm 2012, đóng góp 5,94% trong tổng GDP của cả nước; các chỉ tiêu khác như tỷ lệ đô thị

hóa, diện tích nhà ở, sản xuất xi măng, cấp nước sạch... đều đạt mục tiêu kế hoạch đã đề ra. Bên cạnh đó, ngành Xây dựng năm 2013 tập trung tiến hành rà soát các thể chế quản lý, tập trung vào 3 lĩnh vực lớn là quản lý đầu tư xây dựng, quản lý phát triển đô thị, nhà ở và thị trường bất động sản, trong đó tập trung hoàn thiện 3 dự thảo sửa đổi Luật Xây dựng, Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh bất động sản với nhiều tư tưởng đổi mới, có tính đột phá, dự kiến sẽ trình các cơ quan thẩm quyền thông qua và ban hành trong thời gian tới.

Theo Thứ trưởng Cao Lại Quang, trong việc thực hiện những nhiệm vụ kể trên có sự đóng góp rất lớn của toàn thể cán bộ, CNVC-LĐ toàn ngành Xây dựng, trong đó có đội ngũ nữ CNVC-LĐ. Các phong trào nữ công đã có tác dụng rất lớn trong việc động viên, khích lệ nữ CNVC-LĐ toàn ngành phấn khởi và hăng hái lao động, giúp cho ngành Xây dựng hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ chính trị.

Thay mặt Ban Cán sự Đảng và lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Cao Lại Quang đánh giá cao và biểu dương những thành tích của công tác vận động nữ CNVC-LĐ và hoạt động nữ công của CĐXĐVN và các đơn vị trực thuộc năm 2013.

Tại Hội nghị này, thay mặt lãnh đạo Tổng Liên đoàn LĐVN, Phó Chủ tịch Nguyễn Thị Thu Hồng đã trao tặng Cờ Thi đua của Tổng Liên đoàn LĐVN chuyên đề “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” cho Tập thể nữ CNVC-LĐ cơ quan Bộ Xây dựng và Bằng khen của Tổng Liên đoàn LĐVN cho 5 tập thể và 4 cá nhân; Chủ tịch Công đoàn XĐVN Nguyễn Văn Bình cũng đã trao tặng Cờ thi đua và Bằng khen của CĐXĐVN cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc năm 2013.

Minh Tuấn

Hội thảo về nhà ở xã hội tại Việt Nam - Bài học từ kinh nghiệm quốc tế

Ngày 12/3/2014 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng và Ngân hàng Thế giới đã phối hợp tổ chức “Hội thảo về nhà ở xã hội tại Việt Nam - Bài học từ kinh nghiệm quốc tế”. Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng đến dự và phát biểu khai mạc Hội thảo.

Tham dự Hội thảo có bà Victoria Kwakwa - Giám đốc Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam và các chuyên gia của Ngân hàng thế giới; ông Nguyễn Trần Nam - Thứ trưởng Bộ Xây dựng; ông Nguyễn Mạnh Hà - Cục trưởng Cục quản lý nhà và thị trường bất động sản Bộ Xây dựng và các đại biểu đến từ các Bộ, ngành Trung ương, các địa phương; đại diện các tổ chức quốc tế, các viện nghiên cứu, các trường đại học và các Hội, hiệp hội chuyên ngành, các chuyên gia trong nước và quốc tế.



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng phát biểu khai mạc Hội thảo

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng cho biết, nhà ở là nhu cầu thiết yếu và là quyền cơ bản của con người, là nhân tố góp phần giúp cho con người phát triển toàn diện. Trong những năm qua, cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, Việt Nam luôn quan tâm đến lĩnh vực phát triển nhà ở, ban hành nhiều chính sách để huy động các nguồn lực cho phát triển nhà ở, cải thiện nhà ở cho nhân dân, đặc biệt là những người



Bà Victoria Kwakwa - Giám đốc Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam phát biểu tại Hội thảo

khó khăn về nhà ở.

Năm 2011, Bộ Xây dựng đã trình Chính phủ và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, với những quan điểm mới về phát triển nhà ở, xác định rõ 8 nhóm đối tượng được Nhà nước hỗ trợ và tạo điều kiện cải thiện nhà ở. Để thực hiện Chiến lược này, Bộ Xây dựng đã cụ thể hóa bằng các chính sách, đã tham mưu cho Chính phủ ban hành Nghị định số 188 về nhà ở xã hội, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản, xây dựng các cơ chế, chính sách khuyến khích và thúc đẩy phát triển nhà ở xã hội...

Theo Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, nhu cầu về nhà ở xã hội của Việt Nam là rất lớn, trong khi nguồn lực đầu tư trong nước còn hạn chế, kinh nghiệm phát triển nhà ở xã hội của Việt Nam cũng chưa nhiều, do đó rất cần sự hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này. Tại Hội thảo, Bộ Xây dựng mong muốn các chuyên gia của Ngân hàng thế giới, chuyên gia của các tổ chức trong nước và nước ngoài, các đại biểu chia sẻ những kinh nghiệm về phát triển nhà ở xã hội trong nước và quốc tế nhằm góp phần hoàn thiện dự thảo Luật Nhà ở sửa đổi trình cơ quan thẩm quyền xem xét, ban hành trong thời gian tới.



Toàn cảnh Hội thảo

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đánh giá cao sự giúp đỡ của Ngân hàng Thế giới đối với chương trình hỗ trợ kỹ thuật nhằm xác định rõ các vấn đề về nguồn cung và nhu cầu nhà ở xã hội, trao đổi kinh nghiệm về phát triển nhà ở giá rẻ và tư vấn về cơ chế chính sách trong quá trình nghiên cứu sửa đổi Luật Nhà ở của Việt Nam. Hội thảo này là cơ hội quý báu nhằm nâng cao hiệu quả của chương trình hợp tác và tạo điều kiện về hợp tác chia sẻ kinh nghiệm giữa các chuyên gia quốc tế và các nhà nghiên cứu, quản lý, hoạch định chính sách cũng như các chuyên gia trong nước liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng phát triển đô thị nhà ở và kinh doanh bất động sản, đặc biệt, là chính sách phát triển nhà ở giá rẻ.

Thay mặt các chuyên gia của Ngân hàng thế giới tham dự Hội thảo, bà Victoria Kwakwa bày tỏ sự vinh hạnh cùng với Bộ Xây dựng đồng tổ chức Hội thảo quan trọng này, nhằm chia sẻ các kinh nghiệm quốc tế, các chính sách và các chương trình hiệu quả thúc đẩy phát triển nhà ở xã hội của các nước trên thế giới. Theo bà Victoria Kwakwa, Việt Nam là nước đang trong quá trình phát triển và đô thị hóa, phải đối mặt với những thách thức của quá trình dịch cư từ nông thôn ra đô thị, trong đó có việc giải quyết tình trạng định cư không chính thức, giải quyết những khó khăn về nhà ở cho người dân ở đô thị và các khu công nghiệp, khắc phục tình trạng lệch pha về cung cầu bất động sản, đặc

biệt trong phân khúc nhà có giá trung bình, nhà ở giá rẻ. Trong thời gian qua, Ngân hàng Thế giới cùng các đối tác phát triển khác đã có sự phối hợp chặt chẽ với Bộ Xây dựng trong việc thực hiện nhiều chương trình về nâng cấp, phát triển đô thị, xóa đói giảm nghèo... hỗ trợ kỹ thuật và nghiên cứu chính sách, trong đó có chính sách phát triển nhà ở xã hội tại Việt Nam.

Tại Hội thảo, các đại biểu tham dự đã được nghe tham luận “Chương trình nhà ở xã hội và chính sách nhà ở tại Việt Nam của Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản Bộ Xây dựng; Chính sách phát triển nhà ở giá rẻ - các bài học kinh nghiệm quốc tế (Brazil, Ai Cập, Ma-rốc); Cách tiếp cận vấn đề nhà ở xã hội của một số nước như Mê-hi-cô, Trung Quốc... của các chuyên gia đến từ Ngân hàng thế giới và nhiều ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học trong nước và quốc tế.

Phát biểu tại Hội thảo, theo Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam, những kinh nghiệm quốc tế cũng như trong nước được trình bày trong các tham luận cũng như trong quá trình thảo luận tại Hội thảo là những kiến thức hết sức quý báu đối với Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện hệ thống thể chế về quản lý và phát triển nhà ở. Thông qua Hội thảo này, Bộ Xây dựng sẽ nghiên cứu, chọn lọc những kinh nghiệm quốc tế phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam để đưa ra những cơ chế, chính sách cụ thể trong việc thu hút các nguồn lực xã hội tham gia đầu tư phát triển nhà ở xã hội, tăng cường khả năng tiếp cận nhà ở cho một bộ phận lớn người dân có thu nhập thấp và có khó khăn về nhà ở, góp phần giải quyết vấn đề nhà ở cho nhân dân, phát triển kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội.

Minh Tuấn

Châu Âu với vấn đề phát triển nông thôn trong giai đoạn hiện nay

Chương trình mục tiêu Liên bang Nga “Phát triển bền vững khu vực nông thôn giai đoạn 2014 – 2017, tầm nhìn đến 2020”

Việc giải quyết các nhiệm vụ nâng cao mức sống và chất lượng cuộc sống của người dân, phát triển bền vững khu vực nông thôn đã được đề cập tới trong Chương trình phát triển kinh tế - xã hội dài hạn của Liên bang Nga giai đoạn 2014 - 2017, tầm nhìn tới năm 2020, và đã được Chính phủ Liên bang phê duyệt tại Nghị định số 1662 ngày 17/11/2008. Việc giải quyết nhiệm vụ bảo đảm lương thực cho đất nước được đề cập tới trong Chương trình an ninh lương thực toàn Liên bang cũng đã được Tổng thống Liên bang Nga phê chuẩn tại Sắc lệnh số 120 ngày 30/01/2010. Những vấn đề vừa nêu đòi hỏi phải nhìn nhận lại vị trí, vai trò của khu vực nông thôn trong việc thực hiện các cải cách chiến lược về mặt kinh tế - xã hội trên phạm vi cả nước. Trong đó bao gồm cả việc thông qua các biện pháp xây dựng cơ sở tiền đề cho phát triển bền vững các vùng nông thôn - nâng cao mức tiện nghi về điều kiện sinh hoạt; cải thiện tính hợp lý về điều kiện ở của cư dân nông thôn; cải thiện tình hình lao động và xây dựng mối quan hệ tích cực của xã hội đối với diện mạo vùng nông thôn; triển khai xây dựng mô hình tự quản lý của địa phương tại các khu vực nông thôn.

Chương trình mục tiêu Liên bang “Phát triển bền vững khu vực nông thôn giai đoạn 2014 - 2017, tầm nhìn đến 2020” đã được nghiên cứu trong bối cảnh trên theo Nghị định số 2071 ngày 8/11/2012 của Chính phủ Liên bang, và được phê chuẩn tại Nghị quyết số 598 ngày 15/7/2013 của Chính phủ. Chương trình xác định rõ: Việc tiếp tục nâng cao vai trò và năng lực cạnh tranh của kinh tế nông nghiệp trong nước sẽ tùy thuộc rất nhiều vào việc nâng cao chất lượng nguồn lực lao động nông thôn, vào việc tận dụng đầy đủ hơn mọi nguồn lực có sẵn,

thu hút và củng cố nhân sự trình độ cao nhằm giải quyết vấn đề bảo đảm nhân sự trong lĩnh vực nông nghiệp, có tính đến các dự báo không thuận lợi trong tương lai gắn về tình hình dân số và tiềm năng nguồn lực lao động tại khu vực nông thôn. Chương trình cũng nêu rõ: Các nguyên nhân cơ bản đưa tới những dự báo này chính là các quy tắc cung cấp tài chính phát triển hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật tại khu vực nông thôn đã không còn phù hợp; thêm vào đó là mức chi phí cao trong phát triển tổng thể khu vực nông thôn, liên quan tới đặc điểm phân tán nhỏ lẻ của cư dân nông thôn. Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp Liên bang Nga, năm 2010, số làng xã và điểm dân cư nông thôn đã giảm tới 9.200 so với năm 1989. Ngược lại, số làng xã không có dân sinh sống thường xuyên tăng từ 9.400 (năm 1989) lên 19.400 (năm 2010). Các điểm dân cư nông thôn dưới 10 người chiếm tới 23,7% số làng xã trong cả nước. Chính sự sụt giảm và phân tán nhỏ lẻ trong cơ cấu dân cư nông thôn đã đưa tới sự hoang hóa các khu vực nông thôn, đất sản xuất nông nghiệp không được quay vòng. Điều này ảnh hưởng không nhỏ không chỉ tới an ninh lương thực quốc gia, mà cả an ninh địa - chính trị của Nga.

Một nguyên nhân khác đưa tới những bất lợi trong chính sách phát triển tổng thể nông thôn Nga là mức tiện nghi sống tại các làng quê còn thấp. Điều kiện vật chất của phần lớn cư dân nông thôn không cho phép họ tiếp cận hệ thống tín dụng thế chấp xây nhà ở. Tốc độ triển khai các chính sách bảo đảm nhà ở cho các đối tượng công dân, các hộ gia đình trẻ, các chuyên gia và cán bộ trẻ có nhu cầu cải thiện điều kiện ở chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế. Theo thống kê, toàn Liên bang còn tới hơn 100 nghìn học sinh nông thôn đang học tập tại các cơ sở giáo dục cũ nát, nhiều nguy cơ. Chỉ có

49,4% cư dân nông thôn tiếp cận được các cơ sở y tế; 40% rất khó tiếp cận; và 9% còn lại là không thể tiếp cận.

Mức tiện nghi sống thấp đương nhiên có ảnh hưởng tới tâm lý di dân của cư dân nông thôn Nga, nhất là thanh niên; làm suy yếu tiềm năng nguồn lực lao động dành cho việc mở rộng sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp. Để đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội tại khu vực nông thôn, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp trong nước phát triển, các giải pháp nhằm tăng cường sự hỗ trợ của nhà nước đối với việc xây dựng hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật tại khu vực này đã được đề ra và thông qua.

Chương trình được thực hiện theo từng giai đoạn. Giai đoạn đầu (2014 - 2017) là giai đoạn khắc phục sự chênh lệch về mức sống cũng như chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn ở các vùng miền khác nhau trong phạm vi cả nước, trên cơ sở đa dạng hóa sự hỗ trợ từ ngân sách Liên bang đối với các chương trình phát triển bền vững nông thôn ở mỗi chủ thể Liên bang, có đánh giá và xét tới tiềm năng cũng như triển vọng phát triển khu vực nông thôn tại chủ thể đó. Trong giai đoạn tiếp theo (2018 - 2020), Chương trình đề ra các biện pháp nhằm tăng nhịp độ phát triển phù hợp với sự gia tăng nhu cầu về điều kiện sống tiện nghi tại các vùng nông thôn.

Các nước thuộc Liên minh châu Âu và việc nghiên cứu các chương trình phát triển nông thôn

Chương trình phát triển nông thôn tại các quốc gia châu Âu được triển khai từ cuối những năm 80 thế kỷ XX. Những năm gần đây, trong phương pháp nghiên cứu chương trình phát triển nông thôn bền vững tại các nước EC đã có một số thay đổi, đặc biệt là sự tăng cường giải pháp “bên dưới - bên trên” (các chương trình được nghiên cứu có tính tới ý kiến người dân, bởi vì mức độ tham gia của người dân vào chương trình càng cao thì kết quả càng chuẩn xác và mức độ hiện thực hóa chương trình càng cao).

Các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu rất quan tâm hỗ trợ các hiệp hội hoạt động trong phạm vi Chương trình thống nhất mang tên LEADER (viết tắt từ tiếng Pháp “các hoạt động đa phương nhằm phát triển kinh tế nông thôn”). Chương trình được triển khai từ năm 1989, với những nét chính trong hoạt động là phi tập trung trong quản lý và cung cấp tài chính, áp dụng giải pháp “bên dưới - bên trên”, thiết lập mạng lưới, áp dụng đổi mới, hội nhập vùng và hợp tác phát triển. Việc cung cấp tài chính cho các biện pháp phát triển nông thôn được thực hiện từ ngân sách của các nước EC và các nguồn ngân sách quốc gia thông qua các cơ quan chuyên trách nông nghiệp và khu vực nông thôn của mỗi nước. Ở mỗi giai đoạn, nội dung chương trình lại có sự thay đổi. Chẳng hạn, trong những năm từ 2000 đến 2006, sáng kiến của các hiệp hội trong lĩnh vực ứng dụng các công nghệ mới nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp, cải thiện chất lượng cuộc sống người dân nông thôn, đề cao nét đặc trưng của sản vật địa phương, và khám phá tiềm năng thiên nhiên - văn hóa của địa phương - nông thôn đã được hỗ trợ tích cực. Giai đoạn từ 2007 đến 2013, sự quan tâm hỗ trợ lại dành cho các biện pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của kinh tế nông - lâm nghiệp, cải thiện môi trường xung quanh tại các vùng nông thôn, cải thiện chất lượng cuộc sống người dân nông thôn.

Để hỗ trợ các hiệp hội lập dự án nhận tài trợ theo chương trình LEADER, tại các cơ quan chuyên trách vấn đề nông nghiệp và phát triển nông thôn từng quốc gia sẽ lập các ban chuyên môn đào tạo các nhóm làm việc cho các hiệp hội, hướng dẫn các nhóm này quy trình lập dự án, lập hồ sơ xin tài trợ, cũng như theo sát các nhóm làm việc trong suốt quá trình thực hiện và giám sát thực hiện dự án.

Các dự án được tài trợ trên cơ sở các cuộc thi. Năm 2010, CHLB Đức có 9 dự án tham gia cuộc thi nhận tài trợ của Chương trình, kết quả

7 dự án đã được nhận tài trợ. Đó là các dự án về phát triển việc nuôi cừu truyền thống tại các địa phương miền núi; sử dụng công trình cũ làm các xưởng thợ thủ công; xây dựng hệ thống thông tin đa chiều phục vụ khách du lịch đi chơi các vùng nông thôn để giúp họ khi sử dụng mạng di động vệ tinh sẽ có thể có được thông tin hữu ích bất

cứ lúc nào về chuyển đi của mình...

*Nguồn: www.mcx.ru
(Website của Bộ Nông nghiệp
Liên bang Nga)
ND: Lê Minh*

Phát triển đô thị gắn liền với bảo tồn thành cổ

Rạng sáng ngày 11/01/2014 một vụ hỏa hoạn lớn đã xảy ra tại Thành cổ Du-ke-zong thuộc huyện Shangri-la Vân Nam. Đây là ngôi thành cổ của người dân tộc Tạng, được coi là ngôi thành cổ lớn nhất ở Trung Quốc và có lịch sử hơn 1.300 năm. Theo thống kê, có 335 hộ chịu thiệt hại từ vụ hỏa hoạn này, trong đó có 242 căn nhà bị thiêu rụi hoàn toàn, 93 căn bị ảnh hưởng. Đáng tiếc hơn là nhiều công trình cổ, di tích lịch sử, công trình văn hóa, nghệ thuật tiêu biểu của Phật giáo ở đây đã bị thiêu hủy. Đây mới là thiệt hại nghiêm trọng.

Không lâu sau đó, bi kịch lại tiếp tục xảy ra. Ngày 25/1/2014 tại tỉnh Quý Châu, Tây Nam Trung Quốc đã xảy ra vụ hỏa hoạn lớn tại một ngôi làng cổ, thiêu rụi 148 ngôi nhà, hơn 1.000 ngôi nhà bị hư hỏng, ảnh hưởng đến đời sống của 296 hộ gia đình với 1.184 nhân khẩu. Trận hỏa hoạn đã phá hủy hoàn toàn ngôi làng có lịch sử 300 năm và được coi là ngôi làng được bảo quản tốt nhất ở Trung Quốc.

Hai trận hỏa hoạn lớn xảy ra cách nhau không xa, khiến cho giới truyền thông và người dân Trung Quốc rất bàng hoàng, không chỉ gây tổn thất lớn về vật chất, mà quan trọng hơn là giá trị tinh thần và giá trị văn hóa lịch sử bao năm gìn giữ đã bị phá hủy. Một câu hỏi lớn đặt ra cho các nhà chức trách là: Làm thế nào để bảo tồn làng cổ, thành cổ, di tích lịch sử tránh khỏi những tai nạn đáng tiếc? Và sẽ còn bao nhiêu di tích nữa bị hủy hoại nếu Chính phủ không có những biện pháp bảo vệ tích cực hơn?

Đây là vấn đề thực sự nhạy cảm, nhưng lại

vô cùng quan trọng, và là thực tế cần quan tâm.

Hiện trạng bảo vệ thành cổ ở Trung Quốc

Di sản văn hóa là tài sản vô cùng quý hiếm và không thể định giá như một mặt hàng thông thường. Giá trị của thành cổ chính là giá trị văn hóa mà lịch sử mang lại. Cùng với sự phát triển kinh tế ngày càng lớn mạnh thì giá trị văn hóa, lịch sử mang đậm bản sắc dân tộc cũng đang ngày càng được người dân quan tâm và coi trọng. Chính vì thế, mặc dù Chính phủ kêu gọi phát triển đô thị nhưng đối với những nơi còn gìn giữ và bảo tồn thành cổ và các di tích lịch sử văn hóa khác, thì đô thị hóa cũng cần phải có sự kết hợp hài hòa giữa “cổ” và “kim”.

Trong số các khu vực và di tích lịch sử được các chuyên gia và chính quyền địa phương coi trọng, cũng có nhiều thành cổ được bảo vệ một cách có hiệu quả. Có những thành cổ được trùng tu, sửa chữa lại nhằm phát huy giá trị của nó. Tuy nhiên, cũng có một số nơi biến “thành cổ” thành một công trình kiến trúc hỗn độn, không mang diện mạo lịch sử, quần thể kiến trúc giả mạo, không có linh hồn, đơn giản và lộn xộn. Chính vì thế, giá trị lịch sử và văn hóa không còn, thậm chí còn biến các công trình cổ thành “phế vật” không ai quan tâm.

Hiện trạng này trở nên phổ biến bởi ở nhiều địa phương, chính quyền chạy đua với đô thị hóa, phát triển nông thôn mới, mà quên đi việc nghiên cứu các phương pháp bảo tồn tích cực hơn cho các di tích. Họ vội vàng sửa chữa, tu bổ khi thấy công trình bị hư hại, thậm chí là lập tức dỡ bỏ và di chuyển đi chỗ khác mà không quan

tâm đến câu chuyện lịch sử gắn liền với công trình đó, hay nghiên cứu một cách tỉ mỉ các chi tiết kiến trúc mang tính lịch sử và nghệ thuật trên công trình. Ý thức bảo tồn di tích của các thế hệ về sau càng ngày càng kém đi. Đây là điều thực sự đáng lo ngại.

Vấn đề “bảo tồn” đang được đơn giản hóa quá mức. Mỗi khi gặp vấn đề trong việc bảo tồn, bảo vệ thành cổ, các nhà chức trách nghĩ ngay đến phương án quy hoạch đô thị, sau đó mở một hội thảo đơn giản xin ý kiến của các chuyên gia, lên phương án chủ yếu, rồi chỉ định một nhóm người thực hiện. Cách làm việc như vậy khó tránh khỏi những sai sót khi quy hoạch tổng thể, đặc biệt là đối với những đô thị có giá trị lịch sử lớn. Với những đồ án như vậy, hạng mục “bảo vệ thành cổ” dường như không được coi là một hạng mục lớn, và rất khó để tính đến sự can thiệp của văn hóa lịch sử và hình thái kiến trúc truyền thống.

Vậy bảo vệ thành cổ là quan niệm như thế nào? Làm thế nào để bảo vệ “thành cổ” một cách đầy đủ nhất và tốt nhất? Làm thế nào để sửa chữa những phần bị hư hại? Làm thế nào để giữ được những nét văn hóa đặc trưng của công trình, giá trị lịch sử khi mà hiểu biết về nó còn hạn hẹp? Dựa vào cái gì để phát triển hài hòa và tương thích với đô thị hiện đại, vừa phát huy được công năng của đô thị, vừa gìn giữ được thành cổ? Đây là điều không hề đơn giản.

Bảo vệ thành cổ là thể hiện trách nhiệm với lịch sử, với tương lai. Phải xây dựng “thành cổ” thành một quần thể kiến trúc mang đầy đủ công năng của đô thị, lại có cả tinh hoa cổ truyền và mang đậm giá trị văn hóa lịch sử. Về vấn đề này, mặc dù chưa có địa phương nào thực sự thành công, nhưng cần có những địa phương đi đầu triển khai và quyết liệt trong việc thực hiện.

Lấy ví dụ về “Thượng Hải Tân Thiên Địa”, dự án cải tạo được giao cho Tập đoàn ShuiOn Hồng Kông phụ trách. Mục tiêu của dự án là thay đổi chức năng khu dân cư hiện hữu, tăng giá trị của hoạt động kinh doanh mới, cải tạo

khu phố cổ Shikumen (Thạch Khố Môn) 100 năm tuổi thành khu phố mang sức sống thời đại. Điểm khác biệt khi cải tạo khu phố cũ này là làm thế nào để “Thượng Hải Tân Thiên Địa” trở thành điểm thu hút khách du lịch trong và ngoài nước, để người nước ngoài đến đây thấy được một Trung Quốc cổ kính nhưng không kém phần hiện đại, và để người Trung Quốc đến nơi đây thì lại có cảm giác như được trở về “Thượng Hải” của ngày xưa. Để có thể làm được điều này, nhóm thực hiện dự tính phải hoàn thành trong thời gian tối thiểu là 5 năm.

Các sáng kiến ưu tiên để bảo vệ thành cổ (bao gồm: khu phố cổ, khu phố cũ, làng cổ, kiến trúc cổ)

Tiền đề của mục tiêu bảo vệ thành cổ chính là quá trình nghiên cứu khoa học có hệ thống. Ngoài những vấn đề liên quan đến hình thái kiến trúc, kết cấu, thì cũng cần lưu ý đến cơ sở hạ tầng và môi trường sinh thái. Không thể để mất đi giá trị vốn có ban đầu của nó, cũng không thể để thành cổ cản trở sự phát triển tất yếu của đô thị theo thời đại mới. Tháo dỡ, phá hủy phần lớn hay cải tạo trên nền cũ, bổ sung cái mới cần phải tính toán thật kỹ lưỡng. Càng không thể vì không thể dỡ bỏ những công trình quan trọng mà giữ lại cả những công trình không quan trọng hoặc những công trình đã xuống cấp quá nghiêm trọng.

Bảo vệ thành cổ không có nghĩa là chỉ nên bảo vệ những di tích, cổ vật, công trình mang giá trị lịch sử văn hóa, mà còn nên bảo vệ cả những công trình mang diện mạo kiến trúc truyền thống độc đáo, tích cực chủ động phát huy chức năng đô thị hiện hữu. Hội nhập và phát triển là con đường thích hợp để vừa bảo vệ cái đã có đồng thời mở rộng cái mới.

Hoàn thiện lý luận - Phát triển hài hòa giữa bảo vệ thành cổ với đô thị hiện đại

Trước tiên, để bảo vệ thành cổ cần phải phát triển hài hòa với đô thị hiện đại, chứ không phải phân tách riêng biệt, cũng không nên chọn con đường đối lập. Đối với việc bảo vệ thành cổ,

chủ yếu nên chọn hướng giữ lại những thứ mang giá trị tinh hoa văn hóa dân tộc cần có, đồng thời kết hợp xây dựng đô thị mới hiện đại.

Lấy ví dụ, khi cải tạo con hẻm 37 ở khu thành cổ Tô Châu, nhóm thực hiện đã nghiên cứu để cố gắng giữ lại những hiện vật mang tính lịch sử, diện mạo kiến trúc truyền thống (vật liệu, hoa văn kiến trúc cổ, cấu trúc công trình, cách bố trí không gian kiến trúc...). Với tôn chỉ tôn trọng lịch sử, bảo tồn di tích, kế thừa và phát huy tối đa giá trị lịch sử, không gian văn hóa, nhóm thực hiện đã tìm hiểu đặc điểm dân cư Tô Châu, phương pháp xây dựng truyền thống, lịch sử công trình kiến trúc, kết hợp linh hoạt với phương pháp xây dựng và cải tạo hiện đại, sử dụng vật liệu hiện đại, tiết kiệm năng lượng, nhưng khéo léo giấu trong vỏ bọc kiến trúc cổ, không làm mất đi hình thái kiến trúc vốn có của công trình. Để giải quyết vấn đề chật hẹp, mật độ dân số đông đúc, trong khi điều kiện sống lại xuống cấp, nhóm thực hiện đã đề xuất với chính quyền địa phương xây dựng khu tái định cư để di chuyển cư dân sang chỗ ở mới, đồng thời cải tạo lại hệ thống cấp thoát nước trong khu phố cũ để tránh ngập úng vào mùa mưa, nhưng phải đảm bảo việc cải tạo ảnh hưởng đến môi trường.

Việc cải tạo, bảo vệ, bảo tồn thành cổ là cả một hệ thống hoàn chỉnh. Cho nên, khi bắt đầu thực hiện, phải quan tâm đến tất cả các phương diện có trong đồ án quy hoạch chung, và mục tiêu quy hoạch, cùng những tiêu chí đặt ra khi tiến hành cải tạo, và phải phù hợp với yêu cầu thực tế của vùng, khu vực. Cần tránh tình trạng bảo tồn, cải tạo xong lại biến thành cổ thành “cô đảo”, vừa không phù hợp với quy hoạch, vừa lãng phí tiền của, và không phát huy được giá trị của thành cổ. Cần xây dựng thành phố văn hóa, văn minh, để lại cho thế hệ sau những công trình văn hóa lịch sử có giá trị đích thực.

Cuối cùng phải nghiêm túc thực hiện theo nguyên tắc “Chính quyền chủ quản, chuyên gia đóng góp ý kiến và người dân cùng tham gia”. Bảo vệ thành cổ không phải là việc ngày một

ngày hai, mà là cả một quá trình lâu dài, cần phải có kế hoạch, lộ trình thực hiện rõ ràng. Mỗi địa phương, mỗi thành phố cần có đơn vị chủ quản chuyên trách, chịu trách nhiệm thường xuyên theo dõi và xử lý khi có vấn đề phát sinh. Đồng thời, Chính phủ cũng cần có những biện pháp và chính sách cụ thể để quản lý và chỉ đạo hoạt động bảo vệ thành cổ, tăng cường nghiên cứu tìm ra các phương pháp cải tạo và vật liệu phù hợp với công trình cổ, di tích lịch sử.

Xác định rõ mục tiêu - Cân bằng giữa nhu cầu bảo vệ, dân sinh và phát triển

Cân bằng nhu cầu dân sinh, phương hướng phát triển và yêu cầu bảo tồn thành cổ là điều cần thiết. Không thể chỉ vì nghĩ đến việc tập trung phát triển thành phố hiện đại mà quên đi việc bảo vệ các di tích lịch sử, cũng không thể chỉ tập trung bảo vệ thành cổ mà bỏ lỡ cơ hội phát triển, nâng cao đời sống dân sinh. Con người cũng cần phải có cuộc sống ngày càng văn minh hơn, hiện đại hơn. Nhu cầu sống cao hơn, tất yếu đòi hỏi cơ sở vật chất, dịch vụ, nhà ở phải hiện đại hơn, nhưng không có nghĩa là quên đi giá trị văn hóa truyền thống vốn có. Vì vậy, phát triển hài hòa, hiệu quả sẽ là cách hữu hiệu để vừa bảo vệ được thành cổ, vừa đảm bảo đời sống cho người dân.

Thành cổ, di tích lịch sử không phải là công trình dân sinh đơn thuần, cũng không phải là một hạng mục kiến trúc đơn giản, càng không phải là công trình mang giá trị lợi ích về mặt kinh tế thương mại, mà đó là truyền thống. Hơn hết thảy, đó là giá trị tinh thần không đong đếm được. Chính vì thế tiến hành đô thị hóa, mang lại diện mạo mới cho đô thị mà không để ảnh hưởng đến yếu tố cổ kính thì cũng cần xem xét đến lợi ích của người dân, lợi ích kinh tế, và giá trị du lịch mà công trình, di tích cổ đem lại.

Một vấn đề nữa cũng cần phải quan tâm chính là cư dân của thành cổ, hiện tại phần lớn là người già, những người có nhiều hoài niệm với nơi mình sinh ra và lớn lên. Thế hệ trẻ thường lựa chọn những thành phố hiện đại,

những nhà cao tầng, khu thương mại để sống. Vấn đề đặt ra là khi thể hệ già ra đi thì liệu những “thành cổ” có trở thành “thành chết” không? Để giải quyết được vấn đề này, yêu cầu đặt ra cho các nhà quản lý là phải làm sao để thành cổ trở thành một nơi an toàn và đáng sống, có thể thu hút được người dân sống và hoạt động tại thành cổ.

Thành cổ Tô Châu có diện tích khoảng 14,2 km². Nếu tiến hành dự án cải tạo, tất yếu sẽ ảnh hưởng đến đời sống cư dân nơi đây, họ buộc phải di dời khỏi nơi đang sinh sống và đến khu tái định cư. Điều này chắc chắn liên quan đến quyền và lợi ích của người dân. Vấn đề khó khăn là phải cân bằng được lợi ích của người dân khi chuyển đến nơi ở mới. Vì vậy, khi quyết định tiến hành tái định cư thì phải tôn trọng quyền và lợi ích của người dân, phân bổ và đền bù hợp lý. Đồng bộ giữa người ở và người đi, có nghĩa là cuộc sống ở nơi mới cũng được đáp ứng đầy đủ và tiện nghi như nơi cũ, thậm chí là hơn. Những người cần di dời thì chấp nhận di dời, những người ở lại thì vui vẻ ở lại.

Biện pháp hữu hiệu - Kết hợp hài hòa cả 3 yếu tố văn hóa lịch sử, kiến trúc truyền thống và chức năng đô thị

Muốn bảo vệ và bảo tồn tốt thành cổ thì nhà quản lý cần phải biết kết hợp hài hòa cả 3 yếu tố “bảo vệ tinh hoa văn hóa lịch sử, bảo tồn diện mạo kiến trúc truyền thống, phát huy chức năng đô thị”. Đây là cách làm hiệu quả và đem lại thành công trong việc vừa bảo vệ được thành cổ, di tích cổ, công trình kiến trúc cổ, vừa đảm bảo phát triển đô thị văn minh, hiện đại.

Khi tiến hành nghiên cứu phương án cải tạo “Thượng Hải Tân Thiên Địa”, nhóm nghiên cứu nhận ra rằng các con phố, ngôi nhà ở đây có kiến trúc truyền thống điển hình. Từ vật liệu đến màu sắc, hoa văn trang trí đều mang đậm bản sắc của địa phương, tuy nhiên, kết cấu thì đã quá cũ và xuống cấp. Chính vì thế, khi tiến hành cải tạo phải tạo ra được diện mạo “sửa cũ mà như cũ”, tức là sửa chữa cơ sở hạ tầng, cải

tạo kết cấu bên trong, nhưng giữ nguyên hiện trạng mặt tiền.

Sau khi cải tạo, chức năng của một số công trình kiến trúc tại “Thượng Hải Tân Thiên Địa” cơ bản là được chuyển đổi, chức năng cư trú ban đầu được chuyển thành chức năng kinh doanh, mặc dù mặt tiền công trình vẫn mang diện mạo cổ kính, nhưng bên trong đã được cải tạo thành công trình chức năng phục vụ thương mại, văn hóa, giải trí, mua sắm. Đồng thời, một phần của ngôi nhà cũ cũng bị phá hủy, thay thế vào đó là không gian xanh và mặt nước nhân tạo, như thế sẽ hấp dẫn du khách hơn.

Đánh giá xếp loại - Cần có tiêu chí đánh giá hoạt động bảo vệ thành cổ một cách chuyên nghiệp

Để khuyến khích các địa phương tích cực hơn trong công tác bảo vệ, bảo tồn thành cổ, cơ quan chức năng cần có quy định rõ ràng và chi tiết về việc đánh giá xếp loại các hạng mục bảo tồn. Các tiêu chí đưa ra cần phải xác thực, chuyên nghiệp và khách quan. Đồng thời, Chính phủ cũng phải có những chính sách hỗ trợ tài chính cần thiết cho các dự án bảo tồn thành cổ, làng cổ, công trình cổ, để chính quyền địa phương cân đối ngân sách và thực hiện sớm trước khi những tai nạn không mong muốn lại xảy ra.

Thành lập Ủy ban chuyên trách. Việc thành lập một tổ chức chuyên trách là Ủy ban hay Hiệp hội bảo tồn là điều cần thiết. Đây sẽ là tổ chức quy tụ các chuyên gia đầu ngành về lịch sử, văn hóa, kiến trúc, có nhiệm vụ tham vấn cho các cơ quan chức năng trong hoạt động quy hoạch, cải tạo, bảo tồn thành cổ, di tích cổ. Ngoài ra, cơ quan chuyên trách này còn có nhiệm vụ nghiên cứu, đào tạo và phát triển các dự án bảo tồn thành cổ.

Sử Kiến Hoa

Viện Nghiên cứu Văn hóa & Thành cổ TQ

Nguồn: <http://www.chinajsbcn>

ND: Quỳnh Anh

Bàn về công tác thực hiện nhất thể hóa đô thị và nông thôn ở Thành phố Tô Châu - Trung Quốc

Ngày 04/11/2013, chính quyền thành phố Tô Châu đã tổ chức buổi họp để bàn về công tác phát triển và cải cách nhất thể hóa đô thị và nông thôn. Tham dự buổi họp có lãnh đạo Ủy ban thường trực tỉnh Giang Tô, Bí thư thành ủy Tô Châu - Giang Hồng Khôn, ông Hàn Tuấn - Phó chủ nhiệm Trung tâm nghiên cứu phát triển - Quốc Vụ Viện... và nhiều lãnh đạo đại diện cho các ban ngành, cùng nhau bàn về kinh nghiệm nhất thể hóa đô thị và nông thôn của thành phố Tô Châu.

Mục tiêu mà Tô Châu đề ra là làm sao có thể trở thành khu vực thực nghiệm của quốc gia trong việc cải cách đồng bộ đô thị và nông thôn, đồng thời, đây cũng là cơ hội để nâng cao toàn diện năng lực cải cách đô thị và nông thôn của khu vực.

Phát biểu tại buổi họp, Bí thư thành ủy Tô Châu - Giang Hồng Khôn cho rằng, để nhất thể hóa đô thị và nông thôn, thành phố Tô Châu phải tăng cường thúc đẩy nền kinh tế - xã hội phát triển, thông qua việc đẩy nhanh cải cách và phát triển, thúc đẩy bố cục đô thị và nông thôn thành phố Tô Châu, thúc đẩy phân bổ các nguồn lực đô thị và nông thôn một cách khoa học, đảm bảo thực hiện tốt các dịch vụ công cộng... Việc đổi mới và thực hiện nhất thể hóa đô thị và nông thôn Tô Châu, là một phần quan trọng đưa Tô Châu phát triển bền vững.

Ông Giang còn chỉ rõ, trước mắt, Tô Châu đang trong giai đoạn tái cơ cấu, việc nhất thể hóa sẽ giúp Tô Châu phát triển, từ đó sẽ có những bước đột phá quan trọng và sẽ đưa Tô Châu lên một tầm cao mới. Để được như vậy, Tô Châu phải quyết tâm và can đảm đổi mới trong mọi phương diện như: sử dụng đất, hỗ trợ tài chính, tái cơ cấu ngành công nghiệp, phân bổ tài nguyên, cơ chế kinh doanh, quản lý xã hội... đẩy nhanh việc xây dựng nền văn minh sinh thái, nỗ lực xây dựng các thị trấn mới, tăng

trường kinh tế, nâng cao thu nhập cho người nông dân, hiện đại hóa ngành nông nghiệp, tối ưu hóa môi trường sinh thái, nâng cao các dịch vụ công cộng...

Theo ông Hàn Tuấn - Phó chủ nhiệm Trung tâm nghiên cứu phát triển - Quốc Vụ Viện, nhất thể hóa đô thị và nông thôn là điểm nổi bật nhất trong quá trình phát triển thành phố Tô Châu, thông qua việc thúc đẩy phát triển và cải cách nhất thể hóa đô thị và nông thôn, sẽ giúp cho ngành nông nghiệp trở nên năng động hơn, người nông dân có nhiều cơ hội phát triển, nâng cao thu nhập. Ông Hàn cho rằng, bản chất của công tác nhất thể hóa đô thị và nông thôn chính là cam kết cải cách và đổi mới. Trong quá trình nhất thể hóa đô thị và nông thôn ở thành phố Tô Châu cần phải làm rõ việc ai sẽ là người làm nghề nông, bằng cách nào để nâng cao thu nhập cho người dân, bằng cách nào để người nông có hướng hợp tác tốt nhất với các đối tác bên ngoài. Ngoài ra, các cơ chế dịch vụ công cộng và an sinh xã hội giữa đô thị và nông thôn phải thống nhất. Theo cá nhân ông đánh giá, thời gian gần đây thành phố đã trở nên đúng nghĩa với thành phố, nông thôn đã đúng nghĩa với nông thôn. Tuy nhiên, về phương diện dịch vụ công cộng thì có phần chưa phát huy tốt chức năng của nó.

Theo số liệu thống kê thành tích đạt được trong tiến trình nhất thể hóa đô thị và nông thôn ở Tô Châu tại một số năm trở lại đây, thông qua một số biện pháp tích cực và các quy định đề ra, đã giúp Tô Châu thoát khỏi cấu trúc kẹp đô thị và nông thôn, thay vào đó là tối ưu hóa phân bổ nguồn lực đô thị - nông thôn và thúc đẩy người nông dân tiếp tục nâng cao thu nhập.

Hiện nay, thành phố Tô Châu có hơn 1,3 triệu hộ dân đang dần dần thực hiện chuyển đổi nơi cư trú, 91% đất trồng trọt được nhận thầu và thực hiện kinh doanh. Năm 2012, thu

nhập binh quân của người nông dân Tô Châu là 19,396 nhân dân tệ, xếp vị trí đứng đầu trong số 20 thành phố trọng điểm trên cả nước.

Theo ông Quách Vĩ - Giám đốc phụ trách Nông thôn - Văn phòng nghiên cứu Quốc Vụ viện Trung Quốc cho rằng, việc thực hiện phát triển và cải cách nhất thể hóa đô thị - nông thôn có 4 khía cạnh sau:

Một là, trong quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa vẫn phải chú trọng phát triển ngành nông nghiệp, thông qua việc hiện đại hóa ngành nông nghiệp, vẫn phải giữ nguyên nền tảng nông nghiệp, đồng thời, thêm vào đó các đặc tính hiện đại hóa; *Hai là*, không được để xảy ra trường hợp đô thị quá phát triển lấn át cả nông thôn; *Ba là*, không để xảy ra hiện tượng “đô thị hóa một nửa”, cái gọi là “đô thị hóa một nửa” chính là đất đai quy hoạch vào phạm vi thành phố, người nông dân đổ về thành phố, nhưng không thực sự được hưởng những lợi ích mà đô thị hóa mang lại, đồng thời, cũng không được hưởng những dịch vụ công cộng và phúc lợi xã hội. *Bốn là*, trung tâm thành phố không được mở rộng quá mức, đối với Tô Châu, từ trung tâm thành phố tới thành phố cấp huyện và từ thành phố cấp huyện xuống tới vùng nông thôn làm sao phải phát triển hài hòa với nhau.

So với nhiều thành phố hiện nay, có thành phố mạnh về tài chính nhưng lại không đẹp, hay có thành phố đẹp nhưng lại nghèo về tài chính, Tô Châu sẽ cố gắng trở thành một thành

phố vừa giàu vừa đẹp.

Phó Giám đốc phụ trách lĩnh vực kinh tế và nông nghiệp, thuộc Ủy ban Phát triển và Cải cách quốc gia cũng đưa ra một số gợi ý như sau: *Thứ nhất*, đô thị hóa không phải dễ dàng là có thể thực hiện ngay được. Trong quá trình phát triển kinh tế xã hội, cần thiết phải thực hiện theo từng bước và đảm bảo ổn định; *Thứ hai*, quyết không để ngành nông nghiệp trở nên yếu đuối khi thực hiện đô thị hóa Tô Châu; *Thứ ba*, khi thực hiện phát triển và nhất thể hóa đô thị và nông thôn, chắc chắn sẽ thu hút sự quan tâm từ nhiều phía, nên thành phố Tô Châu cần thực hiện tốt trong việc nông dân di dời lên thành phố và việc làm cho người nông dân, để người nông dân được hưởng các dịch vụ công cộng, giúp họ yên tâm an cư lập nghiệp.

Theo nhận định của lãnh đạo phụ trách lĩnh vực nông thôn thuộc Trung tâm nghiên cứu phát triển - Quốc Vụ Viện: Nhất thể hóa đô thị và nông thôn không những phải giải quyết tốt vấn đề “tam nông” (là Nông nghiệp, Nông thôn và nông dân), mà còn phải chú trọng tới tiềm năng tăng trưởng kinh tế. Đặc điểm lớn nhất trong quá trình phát triển kinh tế xã hội thành phố Tô Châu chính là làm sao có thể phát triển đồng bộ và bền vững, sẽ là tấm gương sáng để các tỉnh thành khác tham khảo và học tập.

Nguồn: <http://www.newscn.com>

ND: Bích Ngọc

Thành phố Tân Mật, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc: Xử lý tổng hợp môi trường đô thị và nông thôn

Thành phố Tân Mật là một huyện (thành phố) mở rộng trọng điểm, thành phố vệ tinh của tỉnh Hà Nam, đã nhiều lần được chính quyền tỉnh bầu chọn là đơn vị tiên tiến trong công tác vệ sinh yêu nước, kinh tế khu vực huyện đứng thứ 63 trong toàn quốc.

Theo kế hoạch công tác 3 năm về hành động xử lý vệ sinh môi trường đô thị nông thôn

của Nhà nước, của tỉnh và của thành phố Trịnh Châu, thành phố Tân Mật đã kết hợp chặt chẽ với tình hình thực tế, đề ra các phương án một cách khoa học, chi tiết hóa các mục tiêu nhiệm vụ, đổi mới tư tưởng công tác, lựa chọn các biện pháp hiệu quả, tổ chức thực thi nghiêm túc nhằm có được những thay đổi lớn trong diện mạo vệ sinh môi trường trong toàn thành phố.

I. Cải thiện và xử lý tổng hợp môi trường đô thị và nông thôn

1. Triển khai các hoạt động xử lý tổng hợp, nỗ lực cải thiện diện mạo đô thị và nông thôn

Để thực hiện mục tiêu công tác hành động làm sạch vệ sinh môi trường đô thị nông thôn của tỉnh và của quốc gia, thành phố Tân Mật đã liên tục tổ chức triển khai các hoạt động như 100 ngày hành động “làm sạch quê hương, làm đẹp quê hương”, các hoạt động làm sạch tổng hợp môi trường đô thị, môi trường thị trấn làng quê, các con đường...

2. Tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng vệ sinh môi trường, hoàn thiện chức năng dịch vụ cơ sở

Thành phố Tân Mật đã tổ chức thực hiện các công trình cải tạo và xây dựng cơ sở hạ tầng vệ sinh môi trường. Tính tới thời điểm hiện tại, tỷ lệ xử lý vô hại hóa rác thải sinh hoạt đô thị đạt 98%, tỷ lệ xử lý nước thải sinh hoạt đô thị đạt 86%, tỷ lệ nhà vệ sinh xả nước theo tiêu chuẩn đạt 100%. Toàn thành phố đã trang bị 346 chiếc xe thu gom, vận chuyển rác thải, 3.500 thùng rác, 72 trạm trung chuyển rác thải, 6.400 bể rác thải, xây dựng 8 nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt, 1 nhà máy xử lý nước thải công nghiệp, 6 bãi lọc trồng cây, 32 bể phốt ba ngăn, lắp đặt hơn 800 nghìn mét đường ống thoát nước thải. Hiện tại, tỷ lệ xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn đạt 68%, tỷ lệ xử lý đã nâng cao 35%, tỷ lệ xử lý tập trung nước thải sinh hoạt nông thôn đạt 62%, tỷ lệ xử lý được nâng cao 32%.

3. Chú trọng xử lý những nơi trọng điểm, nâng cao trình độ quản lý tổng thể

Về phương diện xử lý tổng hợp vệ sinh môi trường, thành phố Tân Mật đã tiến hành xử lý trọng điểm đối với môi trường tại các nơi như chợ nông sản, địa điểm công cộng, địa điểm phục vụ ăn uống, các tuyến đường bộ, đường sắt, đường ven sông. Đối với các chợ nông sản, thành phố đã tiến hành cải tạo, nâng cấp, toàn bộ các chợ nông sản tại thành phố và 2/3 số

chợ nông sản tại nông thôn đạt tiêu chuẩn quản lý quy phạm. Thành phố cũng đã triển khai xử lý tổng hợp vệ sinh môi trường tại những nơi như trường học, các làng thuộc thành phố, các công trường thi công, nơi tập trung dân cư, các trang trại chăn nuôi, trạm y tế và bệnh viện, các nhà máy nước vừa và nhỏ, các địa điểm du lịch..., tăng cường công tác giám sát thường ngày, đảm bảo cho môi trường sạch đẹp.

4. Triển khai cải tạo nguồn nước và nhà vệ sinh nông thôn, cải thiện chất lượng cuộc sống người dân nông thôn

Thành phố đã tập trung thực thi xây dựng các công trình về an toàn nước sạch nông thôn, nâng cao toàn diện tỷ lệ phổ cập nước máy tại nông thôn và tỷ lệ hợp vệ sinh trong chất lượng nước sinh hoạt. Thành phố đã thực hiện được 49 hạng mục công trình an toàn nước sạch nông thôn, tỷ lệ phổ cập nước máy tại nông thôn đạt 97%, tỷ lệ đạt chuẩn về chất lượng vệ sinh của nguồn nước sinh hoạt đạt 98,5%. Trong vòng 3 năm, tỷ lệ đạt chuẩn về chất lượng nguồn nước sinh hoạt tại nông thôn đã tăng trên 15%. Theo yêu cầu mục tiêu cải tạo nhà vệ sinh của Nhà nước, của tỉnh và của thành phố, thành phố Tân Mật đã đẩy nhanh các bước, đảm bảo hoàn thành thuận lợi các mục tiêu nhiệm vụ. Trong vòng 3 năm, đã tăng thêm 30 nhà vệ sinh công cộng tại nông thôn, cải tạo 380 nghìn nhà vệ sinh hộ gia đình, xây dựng 2.200 bể khí sinh học, tỷ lệ phổ cập nhà vệ sinh nông thôn đạt 92%.

5. Triển khai phòng trừ các sinh vật gây bệnh, kiểm soát hiệu quả các bệnh truyền nhiễm

Để làm tốt công tác phòng trừ bệnh truyền nhiễm, mỗi năm thành phố Tân Mật đều đưa ra “Ý kiến công tác trừ “tứ hại”” và “Phương án thực thi diệt ruồi, muỗi, chuột và gián”..., triển khai toàn diện các hoạt động tiêu diệt bốn loại vật gây hại trên nhằm làm sạch môi trường và kiểm soát hiệu quả các bệnh truyền nhiễm.

6. Thúc đẩy tiến trình liên kết đô thị và

nông thôn, thực hiện phát triển đồng bộ đô thị - nông thôn

Để đẩy nhanh tiến trình nhất thể hóa đô thị nông thôn trong quản lý vệ sinh môi trường, từ năm 2009, thành phố Tân Mật đã thực thi mục tiêu chiến lược quản lý vệ sinh môi trường “Liên động đô thị - nông thôn, phát triển đồng bộ”. Thông qua nỗ lực thực hiện các biện pháp như xây dựng cơ sở hạ tầng, làm sạch vệ sinh môi trường, bê tông hóa các tuyến đường, hoàn thiện cơ chế ... thành phố đã xây dựng nên diện mạo sạch đẹp với hệ thống vận hành “tổ thu gom, thôn làm sạch và vận chuyển, thị trấn vận chuyển, thành phố xử lý”.

7. Triển khai hoạt động giáo dục sức khỏe, nâng cao sức khỏe cho người dân

Năm 2006, Tân Mật là thành phố mẫu trong hành động nâng cao sức khỏe người dân toàn quốc. Trên cơ sở đó, công tác giáo dục sức khỏe của thành phố tiếp tục đi sâu phổ cập tới các ngành các nghề. Các hành động tuyên truyền và phổ cập kiến thức về vệ sinh môi trường, vệ sinh gia đình, vệ sinh cá nhân phòng trừ các bệnh truyền nhiễm, phổ biến thông tin sức khỏe, bồi dưỡng hành vi, thói quen vệ sinh tốt... được thực hiện thường xuyên.

8. Kiện toàn cơ chế quản lý hiệu quả lâu dài, nâng cao chất lượng quản lý đô thị - nông thôn

Song song với việc triển khai công tác hành động xử lý vệ sinh môi trường, thành phố Tân Mật luôn đưa cơ chế quản lý hiệu quả lâu dài lên vị trí trọng điểm bằng việc đề ra “Biện pháp quản lý hiệu quả lâu dài trong vệ sinh môi trường đô thị -nông thôn thành phố Tân Mật”. Về phương diện xây dựng cơ chế, thành phố đã xây dựng 4 biện pháp thực thi:

Một là, xây dựng đội ngũ vệ sinh môi trường tại bốn cấp là thành phố, làng xã, thôn, tổ.

Hai là, xây dựng và thực hiện chế độ làm sạch và giữ gìn vệ sinh môi trường.

Ba là, xây dựng và hoàn thiện hệ thống xử lý rác thải.

Bốn là, xây dựng cơ chế bảo đảm kinh phí

II. Xây dựng các công trình trọng điểm để nâng cao chất lượng đô thị và nông thôn***1. Công trình xử lý tổng hợp rác thải sinh hoạt***

Để thực hiện vô hại hóa, tài nguyên hóa, xử lý làm giảm lượng rác thải sinh hoạt, đầu năm 2012, thành phố đã khởi công xây dựng công trình xử lý tổng hợp rác thải. Hạng mục có tổng đầu tư 155 triệu NDT, diện tích công trình 23 nghìn m², xử lý được 600 tấn rác thải sinh hoạt/ngày, tỷ lệ tận dụng tổng hợp rác thải sinh hoạt đạt trên 90%. Hạng mục được hoàn thành và đưa vào vận hành thử vào ngày 14/10/2013.

2. Công trình xây dựng nhà máy xử lý rác thải nhà bếp

Để giải quyết hiệu quả vấn đề rác thải nhà bếp, hạn chế những hiểm họa về an toàn thực phẩm, tháng 6/2012 thành phố Tân Mật đã đầu tư 22 triệu NDT để khởi động xây dựng hạng mục xử lý tổng hợp rác thải nhà bếp. Tháng 01/2013, hạng mục được hoàn thành và đưa vào sử dụng. Chính quyền thành phố cũng đã trang bị 10 chiếc xe thu gom, vận chuyển rác thải nhà bếp, 1.500 thùng rác thu gom chuyên dụng. Tính đến trung tuần tháng 10/2013 đã xử lý được hơn 9.300 tấn rác thải nhà bếp, sản xuất được hơn 130 tấn dầu mỡ dùng trong công nghiệp, hơn 700 tấn phân bón hữu cơ, xây dựng 4.300 m² nhà kính để trồng các loại rau hữu cơ. Từ những đồ thừa trên bàn ăn, thông qua xử lý tạo thành phân bón hữu cơ, tận dụng phân bón hữu cơ này để trồng các loại rau quả hữu cơ, các loại rau quả sẽ tiếp tục xuất hiện trên bàn ăn của các hộ gia đình. Chu trình này đã giúp thành phố Tân Mật xử lý vô hại hóa, tận dụng tài nguyên hóa rác thải nhà bếp.

3. Công trình xanh hóa hành lang sinh thái

Thành phố Tân Mật đã thực thi xanh hóa 20 con đường, hoàn thành bồi đắp 4,35 triệu m³ đất, diện tích xanh hóa đạt 828,6 m².

4. Công trình quản lý qua mạng số hóa

Thành phố Tân Mật cũng đã thực thi quản lý theo mạng lưới số hóa trong khu vực thành phố, trang bị hệ thống màn hình giám sát kiểm soát để phán ánh tình hình công việc của công nhân vệ sinh môi trường cũng như chất lượng vệ sinh môi trường. Hệ thống định vị theo dõi GPS được lắp đặt cho các xe chở rác, xe điện được sử dụng để giám sát vệ sinh. Việc sử dụng hệ thống định vị theo dõi đã giải quyết hiệu quả vấn đề đổ rác bừa bãi, nâng cao tỷ lệ rác thải đầu vào. Xe điện giám sát vệ sinh cũng giải quyết khá tốt chất lượng vệ sinh môi trường của thành phố.

5. Công trình bữa sáng miễn phí đối với công nhân vệ sinh môi trường

Để hình thành bầu không khí xã hội tốt đẹp, thể hiện sự quan tâm tới đời sống, việc làm của công nhân vệ sinh môi trường, đầu năm 2012, thành phố Tân Mật đã triển khai “Công trình bữa sáng miễn phí đối với công nhân vệ

sinh môi trường”, cung cấp miễn phí bữa sáng cho công nhân, làm tăng tính tích cực trong công việc của người công nhân,

6. Công trình xây dựng đường sá

Trong 3 năm gần đây, thành phố Tân Mật đã đầu tư 270 triệu NDT để xây dựng và cải tạo 23 con đường trong khu vực thành phố. Động thái này đã giúp cho việc xây dựng mạng lưới đường sá của thành phố trở nên hoàn thiện hơn, hình thành các tuyến giao thông thuận tiện. Ngoài ra, thành phố còn tiến hành bảo trì, bảo dưỡng đối với toàn bộ các tuyến đường trong tỉnh, huyện và làng quê, bê tông hóa toàn bộ các con đường làng.

Quách Lịch

*Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn
Trung Quốc, số 11/2013*

ND: Kim Nhạn

CÔNG ĐOÀN XÂY DỰNG VIỆT NAM TỔ CHỨC HỘI NGHỊ CÔNG TÁC NỮ CÔNG NĂM 2014

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2014



Thư trưởng Cao Lại Quang phát biểu tại Hội nghị



Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn LĐVN Nguyễn Thị Thu Hồng trao tặng Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn cho Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng